BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025

Hà Nội, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
CÁC TỪ VIẾT TẮT		3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG		4
1	Thông tin chung về Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng	4
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường	4
2.1	Khái quát về lịch sử phát triển của Trường	4
2.2	Chức năng, nhiệm vụ	5
2.3	Thành tích nổi bật của nhà trường	6
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường	12
3.1	Cơ cấu tổ chức	12
3.2	Danh sách viên chức quản lý của Trường	14
3.3	Tổng số giáo viên, viên chức và người lao động của Trường	15
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường	15
4.1	Các nghề đào tạo và qui mô tuyển sinh của Trường theo Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp	15
4.2	Các nghề đào tạo	17
4.3	Số lượng học sinh trong 02 năm gần đây	17
4.4	Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 02 năm gần đây	18
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	18
5.1	Diện tích đất	18
5.2	Diện tích hạng mục công trình	19
5.3	Tổng số máy tính trong nhà trường	20
5.4	Tổng số đầu sách trong thư viện Trường	20
5.5	Tổng kinh phí đào tạo trong 02 năm trở lại đây (ĐVT: đồng)	20
PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT		22
2.1	Thông tin khái quát về khoa Công nghệ kỹ thuật	22
2.2	Cơ cấu tổ chức	23
2.3	Thành tích khen thưởng	24
2.4	Địa chỉ liên hệ	24

2.5	Cơ sở vật chất	24
2.6	Thông tin về chương trình đào tạo nghề công nghệ ô tô	32
PHẦN III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG		41
3.1	Tổng quan	41
3.2	Tự đánh giá	42
3.2.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	42
3.2.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	47
3.2.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	47
3.2.2.2	Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	50
3.2.2.3	Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	54
3.2.2.4	Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	58
3.2.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	62
3.2.2.6	Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	66
3.2.2.7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	69
PHẦN IV: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		75
1	Cơ sở vật chất	75
2	Về nguồn lực	75
3	Khoa học công nghệ	75
4	Chương trình, giáo trình	75
5	Về công tác học sinh	75
PHẦN V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ		76
1	Kết luận	76
2	Kiến nghị	76
PHỤ LỤC		
1	Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng	77
2	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng	80
3	Mã minh chứng	85

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Từ
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh và Xã hội
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
TCN-CKXD	Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng
HS	Học sinh
KĐCL	Kiểm định chất lượng
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
NCKH	Nghiên cứu khoa học
VCQL	Viên chức quản lý
VCGD	Viên chức giảng dạy
NV	Nhân viên
KHKT	Khoa học kỹ thuật
VC-NLĐ	Viên chức – người lao động
CSVC	Cơ sở vật chất
CBCS	Cơ bản cơ sở
P.TH	Phòng Tổng hợp
CNTT	Công nghệ thông tin
VHVN	Văn hóa văn nghệ
TDTT	Thể dục thể thao
KTX	Ký túc xá
SK-SS	Sức khỏe - sinh sản
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
GDNN-GDTX	Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTĐT	Chương trình đào tạo
DN	Doanh nghiệp
SNKT	Sư nghiệp kinh tế
GV	Giáo viên
P.ĐT&KĐCL	Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng

Phần I
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Tên trường:

- Tiếng Việt: TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

- Tên Tiếng Anh: Mechanical Constructinon College

- Tên viết tắt của trường: MCC

1.2. Tên ngày đầu thành lập: TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT CƠ KHÍ XÂY DỰNG

1.3. Tên cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.4. Địa chỉ trường: Số 73 đường Cổ Bi, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội

1.5. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: 0243.8767497;

- E-mail: truongcoma@gmail.com; - Website: https://mcc.molisa.gov.vn.

1.6. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1999 – Tên trường: Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng

- Năm 2006 – Tên trường: Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

1.7. Loại hình trường: Công lập

2. Khái quát lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

2.1. Khái quát lịch sử phát triển của trường

Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng được thành lập theo Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD ngày 18 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và được nâng cấp thành Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng theo Quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 07 tháng 11 năm 2006.

Ngày 18/04/2014 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 555/QĐ-TTg. Theo đó, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng nằm trong danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng.

Ngày 16/05/2014 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký quyết định 546/QĐ-BXD về việc tiếp nhận Trường TCN-CKXD thuộc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng về trực thuộc Bộ Xây dựng.

Ngày 25/8/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-TTg. Theo đó, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng nằm trong danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

Ngày 01/8/2024 Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 1190/QĐ-BLĐTBXH về việc tiếp nhận 10 Trường Cao đẳng, Trường Trung cấp trực thuộc Bộ Xây dựng về trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

Ngày 12/8/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1723/QĐ-TTg ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ:

2.2.1. Chức năng:

Trường TCN-CKXD có chức năng đào tạo nhân lực trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp; đào tạo thường xuyên; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho mọi người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật, khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo; hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật.

2.2.2 Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Xây dựng, trình Bộ chiến lược, kế hoạch phát triển Trường trong từng giai đoạn phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên đối với các ngành, nghề đào tạo của Trường theo quy định của Bộ trưởng.

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi văn bằng, chứng chỉ; quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Liên kết, tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức hoạt động phát triển, đánh giá kỹ năng nghề; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động ở trong nước và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức biên soạn và phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề được cấp phép đào tạo của Trường theo quy định của pháp luật.

- Quản lý người học, thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định của pháp luật và của Trường.

- Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học; phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và gia định người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; hỗ trợ giải quyết việc làm, khởi nghiệp cho người học theo quy định của pháp luật.

- Tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và công bố công khai kết quả kiểm định.

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ về giáo dục nghề nghiệp; triển khai ứng ụng kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và chuyển giáo công nghệ phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Huy động vốn, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ theo quy định của pháp luật và của Bộ.

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

- Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

- Thực hiện công tác báo cáo, thống kế theo quy định của pháp luật; xây dựng, quản lý, duy trì cổng thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ công tác đào tạo của nhà trường và chịu sự kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ.

2.3. Thành tích nổi bật của nhà trường

2.3.1. Phát triển về quy mô đào tạo:

Với những kết quả đã đạt được sau 25 năm xây dựng và phát triển, Trường TCN-CKXD đã đào tạo hàng vạn lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu của Tổng Công ty Cơ khí xây dựng, ngành Xây dựng, toàn xã hội và xuất khẩu lao động. Kể từ năm 2007 trong bối cảnh khó khăn chung của các trường đào tạo nghề trong công tác tuyển sinh, đào tạo. Với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty Cơ khí xây dựng, Bộ Xây dựng cùng sự nỗ lực vươn lên, khắc phục mọi khó khăn của tập thể VC-NLĐ Nhà trường, trường đã tuyển sinh, đào tạo hàng năm đều vượt chỉ tiêu được giao.

Quy mô đào tạo cụ thể từ năm 2024 đến nay như sau:

Năm	Hệ trung cấp			Hệ sơ cấp			Đào tạo thường xuyên
	Có mặt đầu năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Có mặt đầu năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp	
2024	1101	323	346	0	118	56	6
2025	999	309	470	54	77	114	228

Năm 2024, nhà trường thực hiện đào tạo 1424 học sinh hệ trung cấp. Cụ thể như sau:

- Tại trụ sở chính của Trường. Địa chỉ: Số 73 đường Cổ Bi, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội gồm 512 học sinh gồm:

TT	Tên nghề đào tạo	Khóa 23	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	27	40	19	19	**105**
02	Điện tử công nghiệp	26	38	24	40	**128**
03	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21	38	42	22	**123**
04	Công nghệ ô tô	32	34	45	45	**156**
	Tổng cộng	**106**	**150**	**130**	**126**	**512**

- Tại các đơn vị liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp

+ Liên kết đặt lớp đào tạo tại Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Giàng. Địa chỉ: Xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng: 606 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 23	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	23	57	35	40	**155**
02	Hàn	57	27	32	20	**136**
03	Điện tử công nghiệp	116	53	-	-	**169**
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	43	33	38	32	**146**
	Tổng cộng	**239**	**170**	**105**	**92**	**606**

+ Liên kết đặt lớp đào tạo tại Trung tâm GDNN - GDTX Tứ Kỳ. Địa chỉ: Xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng: 306 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	38	81	69	**188**
02	Hàn	46	36	36	**118**
Tổng cộng		**84**	**117**	**105**	**306**

Năm 2025, Nhà trường tiếp tục đào tạo cho 1308 học sinh hệ trung cấp khóa 24, 25, 26, 27 tại Trường và các đơn vị liên kết đặt lớp đào tạo. Trong đó:

- Tại trụ sở chính của Trường: 488 học sinh.

TT	Tên nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Khóa 27	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	34	13	16	-	**63**
02	Điện tử công nghiệp	36	19	36	24	**115**
03	Kỹ thuật ML&ĐHKK	36	40	19	22	**117**
04	Công nghệ ô tô	33	38	43	40	**154**
05	Công nghệ thông tin	-	-	-	39	**39**
	Tổng cộng	**139**	**110**	**114**	**125**	**488**

- Tại Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Giàng: 409 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Khóa 27	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	50	33	40	33	**156**
02	Hàn	23	27	20	-	**70**
03	Điện tử công nghiệp	49	-	-	-	**49**
04	Kỹ thuật ML&ĐHKK	31	34	32	37	**134**
	Tổng cộng	**153**	**94**	**92**	**70**	**409**

- Tại Trung tâm GDNN-GDTX Tứ Kỳ: 411 học sinh.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Khóa 27	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	38	76	69	76	**259**
02	Hàn	43	35	36	38	**152**
	Tổng cộng	**81**	**111**	**105**	**114**	**411**

Tuy nhiên, trong quá trình đào tạo có một số HS bỏ học không lý do chính đáng, xin thôi học, bảo lưu kết quả học tập, nhà trường đã ra quyết định xóa tên học sinh, cho thôi học, bảo lưu kết quả học tập theo đúng quy định.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu DN đồng thời đào tạo đa cấp, đa ngành phát triển đồng hành cùng DN. Đặc biệt Nhà trường luôn quan tâm đến vấn đề liên kết trong lĩnh vực đào tạo nghề tại các Trung tâm ở các tỉnh lân cận, coi đó như một nhiệm vụ trọng tâm trong việc mở rộng, nâng cao năng lực của trường.

- Công tác liên kết đào tạo giữa các cơ sở GDNN:

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp cho 420 học sinh các nghề: Điện công nghiệp, Hàn.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp cho 676 học sinh các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Hàn.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX Gia Lâm, thành phố Hà Nội tuyển sinh và tổ chức đào tạo cho 623 học sinh học hệ văn hóa GDTX cấp THPT cho học sinh đang học trung cấp tại trường.

- Công tác đào tạo, giáo dục định hướng và đào tạo nghề cho các đơn vị xuất khẩu lao động: Nhà trường đã thực hiện công tác đào tạo, giáo dục định hướng và đào tạo nghề cho các đơn vị xuất khẩu lao động, liên kết với các Trung tâm xuất khẩu để khai thác có hiệu quả phần cơ sở vật chất đã được đầu tư đồng thời tạo nguồn học sinh đầu vào học ngắn hạn cho nhà trường. Các lớp đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho lao động xuất khẩu được các đơn vị đánh giá cao.

- Liên kết đào tạo giữa các DN:

Năm 2024 và 2025, có nhiều doanh nghiệp tìm đến để phối hợp đào tạo nâng cao cho người lao động như: Công ty TNHH TM và ĐT Phú Hà, Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Goshi Thăng Long, Công ty TNHH nhân lực hàng không Tasseco, Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, Công Ty Ricoh Việt Nam, Công ty TNHH TSK Việt Nam; Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang; Công ty CP ống đồng Toàn Phát; Công ty CP Nhôm Ngọc Diệp; Công ty TNHH MTV XD&TM Sang Hằng; Công TNHH SD Việt Nam; Công TNHH MTV Kinh Đô; Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Hà; Công ty Cổ phần xây dựng và khoáng sản Thiên Sơn; CÔNG TY TNHH SG PRECISION.

Nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp tổ chức tư vấn, tuyển sinh, đào tạo cho 195 học sinh hệ sơ cấp; 236 học sinh đào tạo thường xuyên.

2.3.2 Phát triển nâng cao chất lượng đào tạo:

Trong nhiều năm, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm sát sao và trực tiếp chỉ đạo các công việc, ưu tiên hàng đầu cho nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, chất lượng đào tạo ngày một nâng cao, thể hiện qua tỷ lệ phần trăm khá giỏi của HS khi tốt nghiệp ra trường.

*Kết quả xếp loại tốt nghiệp từ năm 2024 đến nay:

Năm	**Tổng số**	**Kết quả xếp loại tốt nghiệp**				**Ghi chú**
		Giỏi	**Khá**	**TB khá**	**Trung bình**	
2024	346	29	246	70	01	
2025	470	39	341	-	90	

Tập thể viên chức lãnh đạo, quản lý, VC-NLĐ của nhà trường đã xác định được chất lượng đào tạo là sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Chính vì vậy mà trong những năm qua, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho GV đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ và kiến thức, chất lượng đào tạo ngày một nâng cao. Tỷ lệ HS của nhà trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm và thu nhập ổn định tại các DN ngày càng tăng cao, hiện tại với một số ngành đặc thù về cơ khí nhà trường không có đủ HS đã tốt nghiệp cung cấp cho các đơn vị của ngành Xây dựng và xã hội.

- Đối với GV:

Năm 2024, nhà trường đã tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường, kết quả có 01GV đạt giải nhất, 02 GV đạt giải nhì, 02 GV đạt giải ba, 02 GV đạt giải khuyến khích.

Năm 2025, nhà trường đã tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường, kết quả có 01GV đạt giải nhất, 02 GV đạt giải nhì, 02 GV đạt giải ba, 03 GV đạt giải khuyến khích.

2.3.3 Các biện pháp, giải pháp trong công tác quản lý, cải cách hành chính:

Công tác tổ chức, kiện toàn bộ máy nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng phát triển luôn được BGH Nhà trường chú trọng, quan tâm. Bộ máy tổ chức tương đối hoàn chỉnh, biên chế gọn nhẹ nhưng đảm bảo hiệu quả cao.

Tháng 01/2024 Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định bổ nhiệm 01 viên chức quản lý (Phó trưởng khoa Điện).

Năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ra quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường TCN-CKXD. Trường đã làm thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Dịch vụ việc làm, nộp con dấu của Trung tâm, thực hiện thủ tục đăng ký con dấu, mẫu dấu của Trường tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Hiện tại tổ chức bộ máy của trường theo đúng quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gồm: Hội đồng trường, 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 03 phòng chức năng: Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng *(trước đây là phòng Kế hoạch – đào tạo)*, Phòng Tổng hợp và Phòng Tài chính - Kế toán, 03 khoa chuyên môn: Khoa Điện, Khoa Công nghệ kỹ thuật *(trước đây gồm khoa Cơ khí và khoa Gia công nóng)* và Khoa Cơ bản cơ sở *(trước đây là khoa Cơ bản cơ sở và Kiểm định chất lượng)*.

Trường đã đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chuyển đổi chức vụ với các vị trí lãnh đạo, lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý của Bộ gồm: chuyển đổi chức vụ đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng, Trưởng Khoa Cơ bản cơ sở; Giao kiêm nhiệm Trưởng khoa Điện đối với đồng chí Nguyễn Xuân Hòa - Phó Hiệu trưởng và đã được Bộ ra quyết định. Thực hiện xong quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật để nộp hồ sơ đề nghị lên Bộ theo quy định và Bộ đã ra quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng. Trường đã thực hiện chuyển đổi chức vụ với 02 đồng chí Phó trưởng khoa Điện, bổ nhiệm Phó Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng Tổng hợp.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nhà trường cũng đã áp dụng nhiều giải pháp để đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện sao cho phát huy hết sức mạnh và khả năng lãnh đạo của người quản lý như:

+ Chỉ đạo hoàn thiện đề án tinh giản biên chế để Bộ phê duyệt;

Ngoài ra, còn thành lập các Hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp; Hội đồng kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng đầu khóa học; Hội đồng thẩm định

chương trình đào tạo; Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Hội đồng lương, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng cho thuê tài sản,...

Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động; Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tuyển sinh; Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng, khoa trực thuộc Trường; Quy định chế độ làm việc của giáo viên; Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong GDNN,.... phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước.

Chú trọng đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ VCQL, VC-NLĐ.

2.3.4 Các đề tài NCKH và dự án SNKT:

Năm 2024, Trường đã công nhận 01 sáng kiến cấp cơ sở "Cải tiến phương pháp gia công phối tấm". Sáng kiến có nhiều tính mới, hiệu quả và đang được triển khai áp dụng có hiệu quả tại Trường.

2.3.5 Thực hiện các nhiệm vụ khác:

2.3.5.1 Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước:

Sở dĩ nhà trường đạt được những kết quả cao trong công tác đào tạo thể so sánh ngang cùng các trường có bề dày truyền thống là do viên chức lãnh đạo nhà trường đã xây dựng được một tập thể vững mạnh có tinh thần đoàn kết nhất trí cao trong công tác, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp quy của nhà nước về công tác GDNN, đặc biệt quy chế dân chủ trong Nhà trường thực hiện đúng chủ trương: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Khi có những vướng mắc của VC-NLĐ và HS đều được viên chức lãnh đạo nhà trường giải thích kịp thời theo các văn bản của nhà nước và những chủ trương của Nhà trường, làm cho mọi người càng yêu mến trường, tạo nên không khí sôi nổi trong giảng dạy, học tập.

Các quy chế làm việc, nội quy, quy định của nhà trường dần được sửa đổi, bổ sung và xây dựng hoàn thiện, phù hợp với tình hình thực tế như: Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế bổ nhiệm; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức quản lý, viên chức, người lao động; Quy chế nâng lương; Quy chế tuyển sinh; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế tiền thưởng; Quy chế ban hành văn bản nội bộ; Hồ sơ quản lý công tác PCCC. Ban hành kèm theo Quyết định: Nội quy PCCC, Nội quy sử dụng điện, Nội quy phòng cháy kho vật tư, Nội quy phòng cháy xưởng sản xuất; … nhà trường thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng. Ngoài ra còn một số quy định, quy chế khác như: Quy định ra vào cơ quan, Quy định đối với tổ bảo vệ, Quy định đối với giáo viên…

2.3.5.2 Công tác chăm lo đời sống viên chức quản lý, viên chức, người lao động:

Cùng với việc tạo nên những không khí thi đua sôi nổi trong học tập, giảng dạy và công tác nhà trường còn chú ý chăm lo đời sống cho viên chức quản lý, VC-NLĐ. Hàng tháng, tiền lương được thanh toán đúng hạn, các khoản chi thưởng lễ, tết đều được đảm bảo đều, đúng và đủ. Mức thu nhập bình quân năm sau luôn cao hơn năm trước. Cụ thể như sau:

+ Năm 2024 mức thu nhập bình quân: 10.850.000đ đồng/người/tháng.

+ Năm 2025 mức thu nhập bình quân: 13.032.000 đồng/người/tháng.

Hàng năm, tổ chức nhiều đợt tham quan, nghỉ mát cho VC-NLĐ ở các nơi như: Chùa Hương (Hà Nội), Sầm Sơn (Thanh Hóa), ... hoặc hỗ trợ cho VC-NLĐ tự túc đi tham quan, nghỉ mát; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho VC-NLĐ.

Mua đầy đủ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp cho 100% VC-NLĐ.

Luôn quan tâm, thăm hỏi, động viên kịp thời, thanh toán đầy đủ chế độ cho VC-NLĐ khi ốm đau, hiếu, hỷ.

Động viên kịp thời, minh bạch và công khai VC-NLĐ có thành tích trong công tác, trong lao động sản xuất.

2.3.6. Các hình thức đã được khen thưởng

2.3.6.1. Danh hiệu thi đua

Năm	**Danh hiệu thi đua**	**Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định**
2025	Đến thời điểm báo cáo Trường chưa thực hiện xét đề nghị danh hiệu thi đua.	

2.3.6.2 Hình thức khen thưởng:

Năm	**Hình thức khen thưởng**	**Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định**
2024	Bằng khen của Công đoàn Xây dựng Việt Nam	Số 551/QĐ-CĐXD ngày 17/10/2024 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam
2024	Bằng khen của BCH Đoàn TNCSHCM Thành phố Hà Nộ	Số 1306/QĐ-TĐTN-VP ngày 13/8/2024 của BCH Đoàn TNCSHCM thành phố Hà Nội
2025	Bằng khen của BCH Đoàn TNCSHCM Thành phố Hà Nộ	Số 2087/QĐ-TĐTN-VP ngày 05/6/2025 của BCH Đoàn TNCSHCM thành phố Hà Nội

- Năm 2025, Trường chưa thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường:

3.1. Cơ cấu tổ chức:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG NĂM 2025

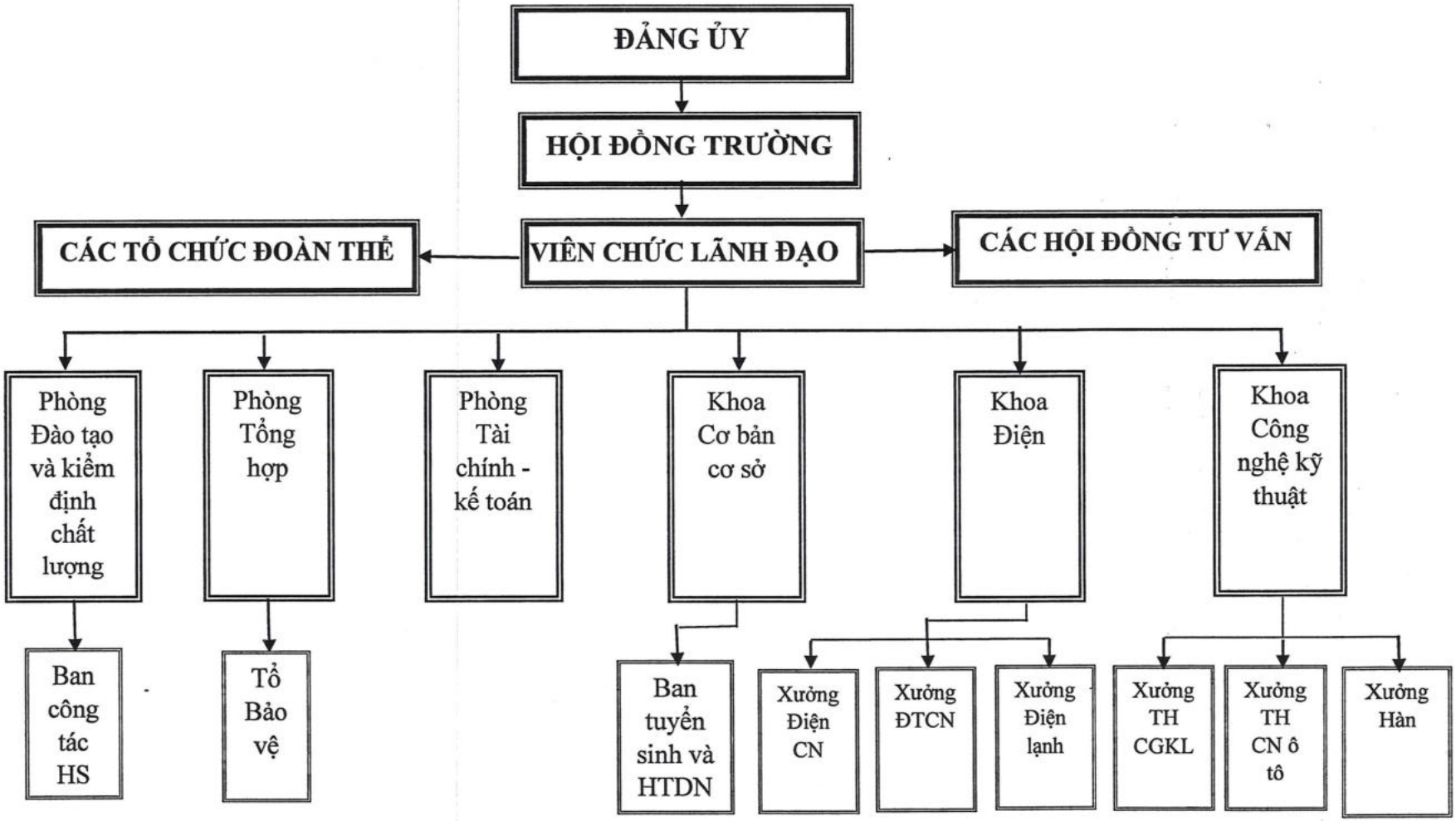

4. Viên chức quản lý các khoa				
Khoa Công nghệ kỹ thuật	Đỗ Tuấn Nghĩa	1973	Ths. KT	Trưởng khoa
	Đoàn Tăng Thi	1978	Cử nhân SPKT	Phó Trưởng khoa
Khoa Điện	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Ths. KT	Kiêm nhiệm Trưởng khoa
	Nguyễn Văn Huấn	1993	Ths. KT	Phó Trưởng khoa
	Nguyễn Văn Ngọc	1988	Kỹ sư điện dân dụng và công nghiệp	Phó Trưởng khoa
Khoa Cơ bản cơ sở	Nguyễn Đình Khải	1980	CN Tiếng Anh sư phạm	Trưởng khoa

3.3. Tổng số viên chức và người lao động của trường

*Thống kê số lượng VC-NLĐ của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1	VC-NLĐ thực tế	26	24	50
2	Viên chức làm việc	22	21	43
3	Hợp đồng lao động	04	03	07

* Đội ngũ giáo viên: Thống kê số lượng giáo viên của nhà trường.

Tổng số giáo viên: 49, trong đó: Nam: 29, Nữ: 20

STT	Trình độ	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng
		Tổng số GV trực tiếp giảng dạy	Trong đó: Số lượng GV kiêm nhiệm làm VCQL	
1	Thạc sỹ	16	06	05
2	Đại học	11	03	11
3	Cao đẳng	0	0	0
4	Trình độ khác	06	0	0
Tổng số		**33**	**09**	**16**

4. Nghề đào tạo và qui mô đào tạo của nhà trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của nhà trường theo Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN đã được cấp:

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Điện công nghiệp	5520227	Trung cấp	290
2	Hàn	5520123	Trung cấp	270
3	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	150
4	Điện dân dụng	5520226	Trung cấp	50
5	Điện tử công nghiệp	5520225	Trung cấp	175
6	Nguội lắp ráp cơ khí	5520127	Trung cấp	100
7	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	5520205	Trung cấp	140
8	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	50
9	May thời trang	5540205	Trung cấp	105
10	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp	70
11	Công nghệ thông tin	5480201	Trung cấp	70
12	Sửa chữa ô tô		Sơ cấp	50
13	Hàn điện		Sơ cấp	60
14	Hàn MAG/MIG		Sơ cấp	20
15	Hàn TIG		Sơ cấp	15
16	Hàn tự động		Sơ cấp	15
17	Hàn hơi		Sơ cấp	20
18	Hàn áp lực		Sơ cấp	20
19	Tiện		Sơ cấp	10
20	Phay		Sơ cấp	5
21	Bào		Sơ cấp	5
22	Khoan		Sơ cấp	10
23	Tiện CNC		Sơ cấp	10
24	Phay CNC		Sơ cấp	10
25	Điện dân dụng và công nghiệp		Sơ cấp	50
26	Điện tử		Sơ cấp	30
27	Điện lạnh		Sơ cấp	30
28	Nguội sửa chữa		Sơ cấp	20
29	Gò		Sơ cấp	20

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
30	Đúc		Sơ cấp	20
31	Sửa chữa, vận hành máy xây dựng		Sơ cấp	20
32	Vận hành cần trục, cổng trục có tải trọng đến 10 tấn		Sơ cấp	30
33	Vận hành máy khoan cọc nhồi		Sơ cấp	40
34	Vận hành máy đóng cọc		Sơ cấp	40
35	Vận hành máy ủi		Sơ cấp	40
36	Vận hành máy san		Sơ cấp	40
37	Vận hành máy xúc		Sơ cấp	40
38	Vận hành trạm trộn, máy bơm bê tông		Sơ cấp	40
39	Vận hành máy nâng hàng		Sơ cấp	40
40	Nề hoàn thiện		Sơ cấp	40
41	Cấp thoát nước		Sơ cấp	40

4.2. Các nghề đào tạo:

Số lượng nghề đào tạo trung cấp: 11 nghề

Số lượng nghề đào tạo sơ cấp: 30 nghề

4.3. Số lượng tuyển sinh trong 02 năm gần đây:

TT	Trình độ đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)
1	Trung cấp	323	309
2	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	124	307
Tổng cộng		**447**	**616**

*Số lượng tuyển sinh trung cấp:

TT	Tên nghề đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)
01	Điện công nghiệp	128	109

02	Hàn	55	38
03	Điện tử công nghiệp	40	24
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	55	59
05	Công nghệ ô tô	45	40
06	Công nghệ thông tin	-	39
Tổng cộng		**323**	**309**

4.4 Thống kê số lượng HS tốt nghiệp trong 02 năm gần đây:

TT	Trình độ đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)
1	Trung cấp	346	470
2	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	62	343
Tổng cộng		**408**	**813**

- Số lượng cụ thể như sau:

**Số lượng học sinh tốt nghiệp trung cấp:*

TT	Tên nghề đào tạo	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến thời điểm báo cáo)
01	Điện công nghiệp	50	193
02	Hàn	57	96
03	Điện tử công nghiệp	142	83
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	64	65
05	Công nghệ ô tô	32	33
06	May thời trang	01	-
Tổng cộng		**346**	**470**

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích: 6.182m^2

+ Diện tích xây dựng: 5.392 m^2

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 790m^2

5.2. Diện tích hạng mục và công trình:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m^2)	Đã xây dựng (m^2)
1	Khu hiệu bộ	1185	1185
2	Phòng học lý thuyết	1260	1260
3	Xưởng thực hành	840	840
4	Khu phục vụ	-	-
4.1	*Thư viện*	*60*	*60*
4.2	*Ký túc xá*	*1622*	*1622*
4.3	*Hội trường tầng 2*	*90*	*90*
	Hội trường tầng 3	*150*	*150*
4.4	*Văn phòng tuyển sinh*	*30*	*30*
4.5	*Phòng y tế*	*30*	*30*
4.6	*Nhà ăn*	*360*	*360*
4.7	*Nhà kho*	*40*	*40*
4.8	*Nhà bảo vệ*	*20*	*20*
4.9	*Nhà vệ sinh công cộng*	*380*	*380*
4.10	*Khu thể thao*	*200*	*200*
4.11	*Nhà để xe*	*200*	*200*
Tổng		**6.467**	**6.467**

Trụ sở chính đặt tại số 73 đường Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội với tổng diện tích đất sử dụng 6.182m^2. Trong đó diện tích xây dựng: 5.392 m^2 bao gồm:

- Khu giảng đường: với tổng số 20 phòng học, diện tích 60 m^2/phòng, tổng diện tích xây dựng là 1260 m^2.

- Khu học thực hành: Tổng diện tích xây dựng: 840 m^2

+ Xưởng thực hành Cơ khí Hàn diện tích 300m^2

+ Xưởng thực hành Điện dân dụng diện tích 90m^2

+ Xưởng thực hành Điện tử diện tích 90m^2

+ Xưởng thực hành Điện công nghiệp diện tích 80m^2

+ Xưởng thực hành Điện lạnh diện tích 60m^2

+ Xưởng thực hành Công nghệ ô tô diện tích 220m^2

+ Khu hiệu bộ: diện tích 1185m^2

- Khu phục vụ: Tổng diện tích 3182m^2

+ Thư viện với 30 chỗ ngồi và 1.500 đầu sách có diện tích: diện tích 60m^2

+ Khu thể thao: diện tích 200m^2

+ Phòng y tế đang sử dụng: diện tích 30m^2

+ Ký túc xá: 01 dãy nhà 4 tầng tổng số 25 phòng ở tổng diện tích: 1.372m^2 và 01 dãy nhà cấp 4 với 9 phòng ở khép kín với tổng diện tích 250m^2. Hiện tại có thể đáp ứng 60% học sinh có nhu cầu ở nội trú.

+ Nhà ăn: diện tích 360m^2

+ Nhà kho: diện tích 40m^2

+ Hội trường tầng 2: diện tích 90m^2

+ Hội trường tầng 3: diện tích 150m^2

+ Văn phòng tuyển sinh diện tích 30m^2

+ Nhà bảo vệ: diện tích 20m^2

+ Nhà vệ sinh công cộng: diện tích 380m^2

+ Nhà để xe: diện tích 200m^2

+ Các hạng mục khác: Hàng rào xung quanh trường, hệ thống cấp điện chung, hệ thống cấp nước sạch dùng trong sinh hoạt chung.

5.3. Tổng số máy tính trong nhà trường: 47 máy tính

5.4. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 1.500 đầu sách

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 02 năm trở lại đây

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
I	**TỔNG THU**	**15.250**	**24.185**
A	**Kinh phí Ngân sách cấp**	**14.253**	**22.751**
1	Kinh phí hoạt động thường xuyên	6.774	6.679
2	Thu ngân sách cấp bù học phí	6.600	15.823
3	Thu đề tài nghiên cứu khoa học	0	0
4	Đề tài sự nghiệp kinh tế	0	0
5	Kinh phí cải tạo, sửa chữa	0	0
6	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	0	0
7	Kinh phí cải cách tiền lương	673	0
8	Kinh phí tiền thưởng	206	249
B	**Thu hoạt động sự nghiệp**	**997**	**1.434**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Thu học phí	160	146
2	Thu hoạt động sự nghiệp khác	316	827
3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	521	461
II	**TỔNG CHI**	**15.003**	**23.893**
A	**Chi kinh phí Ngân sách cấp**	**14.253**	**22.751**
1	Chi từ nguồn kinh phí thường xuyên	6.774	6.679
2	Chi kinh phí cấp bù học phí	6.600	15.823
3	Chi đề tài NCKH, SNKT	0	0
4	Chi cải tạo, sửa chữa	0	0
5	Chi dự án SNKT	0	0
6	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	0	0
7	Kinh phí cải cách tiền lương	673	0
8	Kinh phí tiền thưởng	206	249
B	**Chi từ nguồn thu hoạt động tại đơn vị**	**750**	**1.142**
1	Chi từ nguồn thu học phí	160	146
2	Chi hoạt động sự nghiệp khác	316	628
3	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	274	368
III	**Chênh lệch thu, chi**	**247**	**292**

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT

2.1. Thông tin khái quát về khoa Công nghệ kỹ thuật

2.1.1 Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng:

- Khoa là một đơn vị cơ sở thuộc trường tổ chức, quản lý toàn bộ GV, HS và CSVC thuộc khoa để thực hiện quá trình đào tạo theo kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo của ngành học, đảm bảo chất lượng theo mục tiêu đã công khai.

- Tổ chức công tác NCKH, thực nghiệm và lao động sản xuất.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức công tác NCKH, thực nghiệm và lao động sản xuất.

- Lập kế hoạch giáo dục đào tạo, tiến độ giảng dạy, công tác GV, xây dựng CSVC.

- Tổ chức thực hiện quá trình giáo dục đào tạo theo kế hoạch đã được duyệt

- Tổ chức kiểm tra công tác giảng dạy của GV và học tập của HS theo qui chế.

- Tổng hợp số liệu, phân tích chất lượng đào tạo, đề ra biện pháp thiết thực để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tổ chức công tác NCKH, sáng kiến cải tiến; áp dụng các tiến bộ khoa học giáo dục và thực tiễn khoa học Công nghệ của ngành vào công tác giảng dạy học tập. Động viên GV tham gia các đề tài NCKH và nâng cao trình độ.

- Quản lý cơ sở vật chất thực tập như : Phòng thí nghiệm, phòng học chuyên dùng, phòng học, xưởng... Khai thác triệt để CSVC hiện có phục vụ cho giảng dạy học tập thực nghiệm khoa học và lao động sản xuất.

- Tổ chức biên soạn chương trình môn học, giáo trình, tài liệu giảng dạy, hướng dẫn thí nghiệm, thực hành, bài tập và cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập.

- Thực hiện các công việc KĐCL.

- Tổ chức báo cáo sáng kiến, cải tiến, học thuật trong Khoa về nghiệp vụ giảng dạy, chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch hội giảng, dự giờ, bồi dưỡng, kèm cặp giáo viên mới hàng năm

- Tổ chức thi kiểm tra, đánh giá, phân tích chất lượng học tập của HS.

- Công tác quản lý và giáo dục HS:

+ Quản lý HS các lớp về các hoạt động học tập, rèn luyện và sinh hoạt.

+ Phối hợp với BCTHS, Đoàn TN Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục trong năm học.

+ Phân công GV chủ nhiệm, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá phân loại GV chủ nhiệm, chỉ đạo bầu cán bộ lớp, hướng dẫn các lớp xây dựng và thực hiện chương trình hành động trong tháng học kỳ, năm học. Bồi dưỡng cán bộ lớp, theo dõi hoạt động, đề nghị khen thưởng hoặc phê bình các lớp, cán bộ lớp, chỉ đạo thành lập tự quản HS.

+ Tổng hợp các vấn đề quản lý HS của Khoa đảm bảo phát huy quyền dân chủ của HS. Chỉ đạo các bộ môn thực hiện giáo dục HS theo đặc thù và truyền thống ngành nghề, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội qui của HS.

+ Đề nghị nhà trường cho HS nghỉ theo chế độ, tổng hợp hồ sơ của HS chuyển BCTHS báo cáo Hiệu trưởng những HS xin thôi học, tiếp nhận lại, vi phạm kỷ luật.

+ Tổ chức phân loại học tập, rèn luyện của HS.

+ Giải quyết những vấn đề quản lý HS theo phân cấp của trường.

- Công tác thi đua :

+ Tổ chức đăng ký thi đua theo năm học, đánh giá kết quả thực hiện thi đua đã đề ra, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân.

+ Tổ chức hoạt động phong trào văn thể trong Khoa và tham gia các phong trào văn thể của trường để nâng cao đời sống tinh thần cho HS, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện.

*** Đào tạo nghề**

- Hệ Trung Cấp:

+ Cắt gọt kim loại

+ Hàn

+ Công nghệ ô tô

+ Nguội lắp ráp cơ khí

- Hệ Sơ cấp:

+ Cắt gọt kim loại: Tiện, Phay, Bào, Khoan, Tiện CNC, Phay CNC.

+ Hàn: Hàn điện, Hàn MIG/MAG, Hàn TIG, Hàn tự động, Hàn hơi, Hàn áp lực, Gò, Đúc.

+ Nguội lắp ráp cơ khí: Nguội lắp ráp, Nguội sửa chữa.

+ Công nghệ ô tô: Sửa chữa ô tô

+ Vận hành máy xây dựng.

2.2. Cơ cấu tổ chức

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Điện thoại	Ghi chú
1	Đỗ Tuấn Nghĩa	Trưởng khoa	Thạc sĩ	0968081973 0965065797	
2	Đoàn Tăng Thi	Phó Trưởng khoa	Cử nhân khoa học	0982881187	
3	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Giáo viên	Thạc sĩ	0983012797	
4	Đặng Ngọc Cương	Giáo viên	Thạc sĩ	0975502689	
5	Trần Hải Đông	Giáo viên	Cử nhân khoa học	0986329579	
6	Nguyễn Ngọc Báu	Giáo viên	Cử nhân khoa học	0963051222	
7	Trương Công Lập	Giáo viên	Cử nhân	0386612440	

2.3. Thành tích thi đua, khen thưởng

Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2024	Tập thể lao động tiên tiến	QĐ số 166/ QĐ –MCC ngày 17/12/2024
2025	Chưa họp xét đánh giá	

Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2024	Giấy khen	QĐ số 168/ QĐ –MCC ngày 17/12/2024

- Thành tích GV:
  + 04 GV đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.
  + 03 GV đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Bộ xây dựng.

2.4. Địa chỉ liên hệ

- Email: dotuannghia@cmtc.edu.vn; dotuannghiack@gmail.com

2.5. Cơ sở vật chất

2.5.1. Hạng mục, công trình do Khoa quản lý

TT	Tên phòng	Diện tích (m^2)	Ghi chú
1	Xưởng thực hành hàn - cắt gọt kim loại	450	
2	Xưởng thực hành/tích hợp nghề công nghệ ô tô	600	
3	Xưởng thực hành/tích hợp nghề nguội lắp ráp cơ khí	100	

2.5.2. Trang thiết bị do Khoa quản lý

TT	Tên trang thiết bị dạy nghề, đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng
A. THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHUNG				
1	Tủ điện 1 nhỏ + 2 to	Cái	3	
2	Quạt cây BHLD cũ	Cái	1	
3	Tủ sắt	Cái	1	

4	Bảng nội quy	Cái	1	
5	Bàn Máp to+nhỏ	Cái	2	
6	Máy mài hai đá cầm tay	Cái	1	
7	Thước cặp nhật 150	Cái	1	
8	Thước cặp nhật 200	Cái	2	
9	Pan me 0-25	Cái	1	
10	Pan me 25-50	Cái	1	
11	Bộ CLê chòng	Bộ	1	
12	Máy trà	Cái	1	
13	Đá mài thô D400	Viên	1	
14	Lăn khóa nhám đơn	Cái	2	
15	Côn mooc số 4	Cái	1	
16	Lăn khóa nhám kép	Cái	2	
17	Dao tiện các loại	Con	100	
18	Mũi Khoan các loại	Cái	20	
19	Dũa dẹt, tròn, vuông	Cái	30	
20	Dao phay ngón các loại	Con	30	
21	Cán dũa	Cái	50	
22	Phôi thực tập	Kg	1,000	
23	Dầu máy CN40	Lít	40	
24	Thanh thép gió	Thanh	40	
25	Êtô quốc phòng	Cái	10	
26	Búa nguội có cán	Cái	30	

27	Clê (Bộ 3 chiếc)	Bộ	1	
28	Đục nhọn	Cái	20	
29	Đục bằng	Cái	10	
30	Bộ cle dẹt	Bộ	1	
31	Mỏ lết 300 + 400	Cái	2	
32	Súng băn, tháo blong	Cái	1	
33	Bầu khoan	Cái	2	
34	Compa lấy dấu	Cái	5	
35	Dao phay modun	Bộ	1	
36	Ống kẹp đàn hồi máy phay	Bộ	1	
37	Bộ bàn ren roto tư M4 - M22	Bộ	1	
38	Hộp giảm tốc 250	Cái	1	
39	Hộp giảm tốc bánh vít	Cái	1	
40	Khối D	Cái	1	
41	Pan me 0-25	Cái	1	
42	Quạt cây BHLD cũ	Cái	1	
43	Tay quay ta rô	Cái	3	
44	Thước đo chỉ thị đồng hồ kim	Cái	1	
45	Thước đứng lấy dấu	Cái	1	
46	Tủ sát 6 cánh	Cái	1	
47	Quạt cây công nghiệp mới	Cái	2	
48	Máy mài hai đá	Cái	2	2010
49	Máy tiện vạn năng	Cái	1	2010

50	Máy tiện vạn năng	Cái	1	2020
51	Máy bào ngang	Cái	1	2010
52	Hộp số sàn	Bộ	01	2020
53	Hộp số tự động	Bộ	01	2020
54	Máy phát điện ô tô	Chiếc	01	
55	Súng bắn bulong dùng pin	Chiếc	01	
56	Bộ chế hòa khí ô tô đ/c xăng	Chiếc	01	
57	Mô hình động cơ ôtô (Dùng tháo lắp) Ký mã hiệu: V.MHDCTL20/Vitechs.,JSC	Chiếc	02	2020
58	Mô hình động cơ ôtô (Vận hành) xăng Ký mã hiệu: V.DCXHD19/Vitechs.,JSC	Chiếc	01	2020
59	Mô hình cắt bổ động cơ xăng 4 kỳ Ký mã hiệu: V.DCXCB4/Vitechs.,JSC	Chiếc	01	2020
60	Mô hình cắt bổ động cơ diếl 4 kỳ Ký mã hiệu: V.DCXCB4/Vitechs.,JSC	Chiếc	01	2020
61	Mô hình hệ thống phun xăng điện tử Ký mã hiệu: V.MHEFI04/Vitechs.,JSC	Chiếc	01	
62	Máy nén khí 5 HP. Ký mã hiệu: PX 5160/Puma	Bộ	01	
63	Bàn thực hành tháo lắp Ký mã hiệu: T.BTL147/ Vitechs.,JVC	Bộ	02	2020
64	Cẩu móc động cơ 2 tấn Ký mã hiệu: HWD-110A/Torin	Chiếc	01	
65	Máy rửa nước áp lực cao Ký mã hiệu: LT-1300/Lutia	Bộ	01	

66	Bộ dụng cụ đo. Ký mã hiệu: Mittutoyo	Bộ	01	2020
67	Giá treo động cơ.Ký mã hiệu: V.GDC360/Vitechs.,JSC	Chiếc	01	
68	Tủ đựng dụng cụ tháo lắp 250 chi tiết Ký mã hiệu: HAP35003B/Harpow	Chiếc	01	
69	Xe để chi tiết	Chiếc	02	
70	Clê lực	Bộ	01	
71	Đồng hồ vạn năng kỹ thuật số	Chiếc	02	
72	Kìm tháo xéc măng bộ 3 chiếc	Bộ	02	
73	Súng vặn bulong, Ê cu vận hành bằng khí nén	Bộ	02	
74	Vòng ép xéc măng	Bộ	02	
75	Mễ kê	Chiếc	04	2020
76	Vam chuyên dùng	Bộ	01	
77	Bơm dầu có đồng hồ đo và dây dẫn dầu-2991FLEXBIMEC	Chiếc	01	
78	Máy hút khí xả động cơ di động-DML5075DML	Chiếc	01	2023
79	Thiết bị xúc rửa, kiểm tra kim phun xăng - HP-6CHPMM	Chiếc	01	
80	Thiết bị xúc rửa, kiểm tra kim phun diesel thông thường - ART/600B	Chiếc	01	
81	Thiết bị chuẩn đoán, quét lỗi hệ thống điện xe ô tô SCANGIT	Chiếc	01	
82	Máy nạp ga điều hòa tự động - RB-1000BRB	Chiếc	01	2023
83	Mô hình tổng thành xe ô tô-SK-Car	Chiếc	01	

84	Mô hình hệ thống phanh SK-ABS-EBD	Chiếc	01	
85	Bộ thực hành điện - Điện ô tô - SK-EL car	Bộ	01	
86	Máy sạc-đề ác quy - DYNAMIC420 START TELWIN	Chiếc	01	2023
87	Kích nâng hạ hộp số - ZX0101H - ZHONGXIN	Chiếc	01	2023
88	Máy ép thủy lực 20 tấn TY20001 - KOCU	Chiếc	01	
89	Kích con đội thủy lực 5 tấn	Chiếc	02	2023
90	Bàn nằm chui gầm xe ô tô	Chiếc	02	
91	Thùng bơm dầu hộp số	Chiếc	02	2023
92	Thùng hứng , hút dầu thải động cơ	Chiếc	01	
93	Dụng cụ kiểm tra hệ thống bôi trơn động cơ	Chiếc	01	
94	Dụng cụ kiểm tra áp suất hệ thống nhiên liệu động cơ phun xăng	Chiếc	01	
95	Tai nghe tiếng gõ động cơ	Chiếc	02	2023
96	Vam tháo lò xo xupap	Chiếc	02	2020
97	Thiết bị kiểm tra ác quy	Chiếc	01	
98	Cáp đề	Chiếc	02	2020
99	Dụng cụ kiểm tra tỉ trọng dung dịch ắc quy	Chiếc	02	
100	Máy chuẩn đoán	Chiếc	01	2023
101	Hệ thống điều hoà tự động	Chiếc	01	
102	Máy khởi động	Chiếc	01	
103	Tủ điện 1 nhỏ + 2 to	Cái	3	

104	Quạt cây BHLD	Cái	3	
105	Tủ sắt	Cái	2	
106	Máy hàn điện xoay chiều 300A	Cái	3	
107	Máy hàn MIG/ MAG 350A	Cái	1	
108	Máy hàn TiG kim loại 250 - 220V	Cái	1	
109	Máy hàn MIG KL 250 - 220V	Cái	1	
110	Máy hàn que ARC 250 - 220V	Cái	2	
111	Máy hàn kim loại F x 280	Cái	3	
112	Máy hàn kim loại 425 - 380V	Cái	5	
113	Máy hàn TiG kim loại WSE 315 AC/DC - 380V	Cái	3	
114	Máy hàn hồ quang 1 chiều	Cái	5	
115	Máy hàn TIG AC/DC 300	Cái	2	
116	Máy hàn MAG OTC - XD 350	Cái	2	
117	Máy hàn 250A (220v-380v)	Cái	6	
118	Máy hàn điện 250A(220v - 380V)	Cái	2	
119	Máy hàn kim loại FM 250 - 220v	Cái	1	
120	Máy hàn kim loại megag FM 200A - 220v	Cái	1	
121	Máy hàn HK - H250D(220v/380v)	Cái	1	
122	Tủ sấy que hàn	Cái	1	
123	Máy cắt PLASMA 100LP	Cái	1	
124	Máy mài hai đá	Chiếc	1	
125	Máy mài Makita	Cái	3	
126	Máy cắt sắt Makita 2414NB (350)	Cái	2	

127	Khoan bê tông	Cái	1	
128	Máy dò khuyết tật mối hàn	Cái	1	
B. PHƯƠNG TIỆN VĂN PHÒNG				
52	Máy vi tính bàn	Bộ	02	2014
53	Máy in	Bộ	02	2014
54	Máy chiếu+phông chiếu	Bộ	01	2014

2.6. Thông tin về chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 72/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng)

Tên nghề : Công nghệ ô tô

Mã nghề : 5510216

Trình độ đào tạo : Trung cấp

Hình thức đào tạo : Áp dụng cho các hình thức đào tạo theo quy định hiện hành

Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.

Thời gian đào tạo : 02 năm

Học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở có thể học thêm khối lượng kiến thức các học phần văn hóa quy định tại Thông tư 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.6.1. Mục tiêu đào tạo:

2.6.1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực hành nghề tương xứng với trình độ trung cấp nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ ô tô; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.6.1.2. Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức

* *Kiến thức chung*

- Có hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; nắm vững các quy phạm, pháp luật của Nhà nước; chủ động thực hiện tốt nghĩa vụ cộng dân;

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

* *Kiến thức chuyên ngành*

- Trang bị kiến thức cơ sở ngành về lĩnh vực cơ khí động lực, đọc và hiểu rõ các bản vẽ lắp ráp cũng như các bản vẽ chi tiết, có khả năng giải thích các ký hiệu sử dụng trên các tài liệu kỹ thuật do các nhà sản xuất trong và ngoài nước cung cấp; hiểu được bản chất về vật liệu, độ bền chi tiết và công nghệ chế tạo, gia công; vận dụng được các kiến thức về môi trường công nghiệp và an toàn trong sản xuất cơ khí;

- Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về các lĩnh vực như: khoa học xã hội - nhân văn, các kiến thức chuyên ngành công nghệ kỹ thuật ô tô ở cấp trình độ trung cấp;

- Nắm vững lý thuyết về cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các chi tiết, cụm chi tiết, tổng thành cấu thành ô tô, máy động lực đồng thời sử dụng chuẩn xác các dụng cụ, trang thiết bị đo kiểm và các thiết bị công nghệ chẩn đoán, sửa chữa thông dụng trong ngành công nghệ kỹ thuật ô tô;

- Có khả năng nghiên cứu các đề tài khoa học do thực tiễn ngành nghề yêu cầu nhằm khai thác và sử dụng tốt nhất các công nghệ kỹ thuật tiên tiến.

+ Về kỹ năng

*. *Kỹ năng cứng*

- Trực tiếp tổ chức và triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì, sửa chữa các máy móc, trang thiết bị trong ngành công nghệ kỹ thuật ô tô; Có đủ năng lực điều hành một nhóm thợ lắp ráp hoặc sửa chữa ô tô;

- Có khả năng tháo, lắp, kiểm tra, sửa chữa các chi tiết, cụm chi tiết, tổng thành đạt yêu cầu kỹ thuật đồng thời sử dụng đúng các dụng cụ, trang thiết bị đo kiểm và ứng dụng các phương pháp chẩn đoán kỹ thuật tiên tiến;

- Có khả năng kiểm định, thử nghiệm, khai thác và sử dụng các dịch vụ kỹ thuật ô tô trong thực tế xã hội hiện nay;

- Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;

- Kèm cặp và hướng dẫn tay nghề cho thợ bậc thấp hơn.

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ phù hợp công việc, khả năng giải quyết các vấn đề công nghệ (trong phạm vi cho phép theo quy định), vận dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, sử dụng thông tin khoa học để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể trong thiết kế, cải tiến, sửa chữa ô tô, nâng cao hiệu qủa sử dụng các thiết bị trong ngành do yêu cầu thực tiễn sản xuất đặt ra.

* *Kỹ năng mềm*

- Có khả năng giao tiếp xã hội, làm việc hiệu quả theo nhóm;

- Có khả năng sử dụng và vận hành, điều khiển các phương tiện cơ giới đường bộ;

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm tự nâng cao trình độ, thích nghi với sự phát triển của xã hội;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của nghề.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;

- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;

- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

2.6.1.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;

- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;

- Lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;

- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;

- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;

- Sửa chữa gầm ô tô;

- Sửa chữa điện và điều hòa ô tô;

- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô;

2.6.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1650 giờ/60 tín chỉ

- Số lượng môn học, mô đun: 24.

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ/11 tín chỉ.

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1395 giờ/49 tín chỉ.

- Khối lượng lý thuyết: 433 giờ; Thực hành, thực tập: 1067 giờ; Thi/Kiểm tra: 150 giờ.

2.6.3 Tổng hợp năng lực các nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	**Năng lực cơ bản (năng lực chung)**	
1	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị
2	NLCB-02	Áp dụng các kiến thức pháp luật
3	NLCB-03	Duy trì sức khỏe
4	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5	NLCB-05	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
6	NLCB-06	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản và chuyên ngành
II	**Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)**	
7	NLCL-01	Áp dụng các kiến thức về sử dụng các thiết bị điện
8	NLCL-02	Phân biệt được các loại hợp kim nhôm, gang và thép
9	NLCL-03	Sử dụng đúng các dụng cụ, thiết bị đo và hiểu về dung sai chi tiết
10	NLCL-04	Đọc bản vẽ và các tiêu chuẩn về bản vẽ
11	NLCL-05	Áp dụng các kiến thức về an toàn lao động
III	**Năng lực nâng cao**	
12	NLNC-01	Hình thành kỹ năng sửa chữa nguội
13	NLNC-02	Vận hành máy công cụ và gia công được chi tiết theo yêu cầu
14	NLNC-03	Tháo lắp và bảo dưỡng chế hoà khí động cơ xăng
15	NLNC-04	Tháo lắp và bảo dưỡng bơm cao áp động cơ điezel
16	NLNC-05	Tháo lắp và bảo dưỡng ly hợp và hộp số sàn, số tự động trên xe ô tô
17	NLNC-06	Tháo lắp và bảo dưỡng phanh đĩa, phanh tang trống
18	NLNC-07	Hiểu được nguyên lý các loại động cơ xăng và điêzel

19	NLNC-08	Tháo lắp và bảo dưỡng thanh truyền trục khuỷu
20	NLNC-09	Tháo lắp và bảo dưỡng xupap, trục cam, con đội
21	NLNC-10	Tháo lắp và bảo dưỡng bơm nước làm mát
22	NLNC-11	Tháo lắp và bảo dưỡng hệ thống treo, nhíp ô tô
23	NLNC-12	Giải thích được sơ đồ và nguyên lý hệ thống đèn tín hiệu thân xe ô tô, và bảo dưỡng điều hoà xe ô tô

2.6.4 Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**11**	**255**	**94**	**148**	**13**
MH01	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**	**49**	**1395**	**339**	**919**	**137**
II.1	**Các môn học cơ sở bắt buộc**	**10**	**150**	**83**	**47**	**20**

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH07	Vẽ kỹ thuật	2	30	16	10	4
MH08	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	16	10	4
MH09	Vật liệu cơ khí	2	30	16	10	4
MH10	Kỹ thuật điện - Điện tử	2	30	17	9	4
MH 11	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	2	30	18	8	4
II.2	**Các môn học thực hành**	**17**	**510**	**116**	**338**	**56**
MH 12	Thực hành Nguội cơ bản	2	60	16	38	6
MH 13	Thực hành Cắt gọt kim loại	3	90	20	60	10
MH 14	Thực hành Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	3	90	20	60	10
MH 15	Thực hành Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	90	20	60	10
MH16	Thực hành Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	3	90	20	60	10
MH17	Thực hành Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	3	90	20	60	10
II.3	**Các mô đun chuyên môn**	**17**	**510**	**140**	**314**	**56**

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MĐ18	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	60	40	14	6
MĐ19	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ 1	3	90	20	60	10
MĐ20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	90	20	60	10
MĐ21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	90	20	60	10
MĐ22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	3	90	20	60	10
MĐ23	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện và điều hòa ô tô	3	90	20	60	10
II.4	**Các mô đun tự chọn** (Chọn 1 trong 2 mô đun)	**5**	**225**	**0**	**220**	**5**
MĐ24	Thực tập cơ sở	5	225	0	220	5
MĐ25	Bài tập lớn	5	225	0	220	5
	Tổng cộng	**60**	**1650**	**433**	**1067**	**150**

2.6.5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

2.6.5.1. Nội dung và thời lượng học tập các môn học chung trong chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.6.5.2 Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.6.6. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khó

Hoạt động đào tạo	Số tuần thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
1. Sinh hoạt đầu khóa	02	
2. Thi tốt nghiệp	03	
3. Hoạt động ngoại khóa	1,5	
5. Nghỉ hè, lễ tết	12	
6. Lao động công ích	1,5	
7. Dự trữ	03	
Tổng cộng	**23**	

2.6.7 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

2.6.7.1. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô đun hoặc có môn học, mô đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, Hiệu trưởng có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

2.6.7.2. Thời lượng bài kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun

- Thi kết thúc môn học, mô đun lý thuyết: Từ 60 đến 90 phút

- Thi với hình thức trắc nghiệm: Không quá 45 phút.

- Thi vấn đáp: Không quá 45 phút

- Thi trên máy tính hoặc kết hợp giữa các hình thức, tối đa: 120 phút

- Bài kiểm tra kết thúc học phần thực hành: Không quá 4 giờ

2.6.7.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Thi tốt nghiệp:

STT	Môn thi	Hình thức thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm
2	Thực hành	Thực hành kỹ năng tổng hợp

+ Thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh;

+ Thời gian thi thực hành cụ thể do Hiệu trưởng quy định đảm bảo phù hợp với đặc thù của nghề đào tạo.

- Công nhận tốt nghiệp: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, các quy định liên quan để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp cho người học.

PHẦN III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng quan chung

3.1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Quy định về quy trình thực kiểm định chất lượng dạy nghề ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 "Về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng".

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT – Bộ LĐ-TB&XH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL giáo dục nghề nghiệp;

3.1.2. Mục đích tự đánh giá

Qua quá trình tự đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng chương trình trung cấp nghề Cắt gọt kim loại thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Hội đồng tự đánh giá Trường trung cấp yêu cầu. Khoa Công nghệ kỹ thuật thu thập các minh chứng và đánh gá lại toàn bộ các hoạt động dạy và học đối với nghề Công nghệ ô tô, từ đó phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những điểm mạnh những điểm còn tồn tại nhằm từng bước cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình dạy nghề của Khoa Công nghệ kỹ thuật

3.1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

Các thông tin, phân tích đánh giá rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng, nhiệm vụ của Khoa Công nghệ kỹ thuật

Các nội dung đánh giá có dẫn minh chứng phù hợp để chứng minh.

Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Khoa và các Phòng/Khoa khác trong Trường.

3.1.4. Phương pháp tự đánh giá

Căn cứ hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Hội đồng tự đánh giá Trường trung cấp yêu cầu và các gợi ý minh chứng. Các GV được phân công phụ trách các tiêu chí rà soát lại các hoạt động của khoa đã đáp ứng được những chỉ số, tiêu chuẩn thuộc các tiêu chí trên cơ sở các minh chứng để đánh giá mức độ đạt hay chưa đạt của từng chỉ số tiêu chuẩn và tiêu chí. Khi đánh giá xong các GV tổng hợp kết quả và làm căn cứ để xếp loại.

3.1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Khoa xây dựng kế hoạch tự đánh giá theo kế hoạch Nhà trường
- Triển khai kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong khoa
- Tiến hành thu thập minh chứng
- Viết dự thảo tự đánh giá
- Họp khoa để hoàn thiện dự thảo tự đánh giá
- Gửi Hội đồng kiểm định của Nhà trường

3.2. Tự đánh giá

3.2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

TT	**Tiêu chí, tiêu chuẩn** ***(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)***	**Điểm chuẩn**	**Tự đánh giá của Khoa**
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		**Đạt tiêu chuẩn kiểm định**
	Tổng điểm	**100**	**82,5**
1	**Tiêu chí 1 - Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**7.5**	**5**
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2.5	2.5
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.	2.5	2.5
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	2.5	0
2	**Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình**	**17.5**	**15**

2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2.5	2.5
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2.5
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2.5	2.5
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.	2.5	2.5
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạ	2,5	2,5
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2.5	0
3	**Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo**	**17.5**	**15**
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2,5	2,5

3.2	Tiểu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2.5	2.5
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2,5	2,5
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2.5	2.5
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2.5	2.5
3.6	Tiêu chuẩn 3.6 Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2.5
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	0
4	**Tiêu chí 4 – Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động**	**15**	**12.5**
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2,5	2,5
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2.5	2.5
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học,	2,5	2,5

	các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo:		
4.4	Tiêu chuẩn 4: Nhu cầu về đào tạo, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động thực triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập bởi dùng lập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo 1cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2.5	2.5
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, chức triển khai chương trình đào tạo, định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2.5	2.5
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	2,5	0
5	**Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu**	**15**	**12.5**
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2,5	2,5
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2.5	2.5
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu	2.5	2.5

	được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.		
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2.5	2.5
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2,5	0
6	**Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học**	**10**	**7,5**
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2,5	2,5
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2.5	2.5
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	2,5
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2.5	0
7	**Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng**	**17.5**	**15**
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành	2,5	2,5

	chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.		
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2.5	2.5
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.	2,5	2,5
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2.5	2.5
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2.5	2.5
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.7	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2.5	0
Tổng số		**100**	**82,5**

3.2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

3.2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Mở đầu

Trường Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 7/11/2006 của Bộ xây dựng *(Quyết định số 1532/QĐ-BXD - 1.1.01)*

tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật cơ khí xây dựng được thành lập theo quyết định số 04/1999/QĐ-BXD ngày 18/01/1999 của Bộ xây dựng *(Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD - 1.1.01)*, được Sở LĐ-TB&XH Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp. Bộ máy tổ chức của Trường được xây dựng trên cơ sở điều lệ trường Trung cấp và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức hoạt động của Trường. Việc phân công phụ trách điều hành được xác định rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường.

Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường được xác định và công bố công khai trên website của nhà trường. Hiện nay, Trường đang đào tạo 10 ngành bậc trung cấp và 30 ngành bậc sơ cấp. Mục tiêu đào tạo của các ngành học đều được xác định rõ ràng và là định hướng để xây dựng và điều chỉnh chương trình giáo dục cho phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp nhu cầu địa phương và xã hội.

Khoa là một đơn vị cơ sở thuộc trường tổ chức, quản lý toàn bộ giáo viên, HS và CSVC thuộc khoa để thực hiện quá trình đào tạo theo kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo của ngành học, đảm bảo chất lượng theo mục tiêu đã công khai.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 01 nghề hệ trung cấp và 08 nghề hê sơ cấp. Mục tiêu đào tạo của các nghề học đều được xác định rõ ràng và là định hướng để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp nhu cầu địa phương và xã hội.

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được khoa và Nhà trường đặc biệt chú trọng và có chế độ khuyến khích hỗ trợ tài chính cho đội ngũ GV, cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. Ngoài ra, việc nắm bắt và quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được Trường chú trọng qua việc duy trì hoạt động của Chi bộ hàng tháng, phát huy vai trò của các đoàn thể đem lại những cải tiến tích cực, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường.

Những điểm mạnh:

Nhà trường có quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Trung cấp, chương trình chi tiết môn học, thể hiện đầy đủ mục tiêu CTĐT. Chương trình đào tạo được công bố công khai trên website, trên thư viện nhà trường. Ít nhất 3 năm một lần chương trình đào tạo được rà soát điều chỉnh phù hợp với thị trường lao động và nhu cầu phát triển của xã hội.

Những tồn tại:

Công tác kiểm tra, giám sát nhìn chung chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Năm 2025 và các năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với thực tế phát triển của xã hội, ngành Công nghệ ô tô và địa phương. Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động nghiên cứu khoa học, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học học CTĐT, bảo đảm chất lượng của CTĐT trong các năm học tiếp theo.

Tiêu chuẩn 1.1: *Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo.

Mô tả, nhận định: Mục tiêu và sứ mạng của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng đã được xác định trong Đề án phát triển trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, được công bố công khai tại Hội nghị viên chức trường hàng năm và trên Website của Trường.

Nội dung mục tiêu và sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Trường, phù hợp với nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của khu vực phía Bắc xác định rõ trong Đề án phát triển Trường TCN – CKXD giai đoạn 2025 - 2030 tầm nhìn đến 2045. Mục tiêu đào tạo còn được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo các ngành. Sau mỗi khóa học, chương trình đào tạo của các ngành đều được rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường thông qua. Cùng với việc chỉnh sửa mục tiêu, chương trình đào tạo các ngành học cũng được điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp và Sứ mạng của Nhà trường.

Trên cơ sở mục tiêu chung của Nhà trường, các khoa chuyên môn khi xây dựng CTĐT phải gắn liền mục tiêu CTĐT với mục tiêu chung của Nhà trường.

Mục tiêu chung của CTĐT nghề Công nghệ ô tô là: Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực hành nghề tương xứng với trình độ trung cấp nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ ô tô; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu củ người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.*

- Chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng, đầy đủ: Chương trình đã xây dựng bộ Chuẩn đầu ra (CĐR) gồm 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, tự chủ – trách nhiệm. Chuẩn đầu ra được trình bày cụ thể bằng các mô tả có thể đo lường, gắn với mục tiêu đào tạo nghề Công nghệ ô tô

- CĐR phù hợp yêu cầu ngành nghề và thị trường lao động: Doanh nghiệp, chuyên gia nghề đã tham gia góp ý và xác nhận tính phù hợp của chuẩn đầu ra.

- Chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan: Các bên liên quan (người học, cựu người học) được tham gia góp ý trong quá trình xây dựng và điều chỉnh.

- Chuẩn đầu ra được công bố công khai: được đăng tải công khai trên website của trường, cổng thông tin đào tạo và niêm yết tại khoa

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp*

- Chuẩn đầu ra có tích hợp đầy đủ các năng lực số cơ bản: CĐR đã bổ sung các yêu cầu về năng lực số theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN, bao gồm: sử dụng thiết bị số, truy cập thông tin số, làm việc qua môi trường số, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, và ứng dụng CNTT trong học tập, nghề nghiệp.

- CĐR phản ánh yêu cầu chuyển đổi số trong nghề Công nghệ ô tô: CĐR quy định người học có khả năng sử dụng Năng lực sử dụng công nghệ số trong chẩn đoán và sửa chữa; Năng lực công nghệ thông tin và an toàn an ninh mạng trong ô tô; Năng lực sử dụng nền tảng số trong quản lý, vận hành dịch vụ ô tô; Năng lực thích ứng với xu thế ô tô thông minh và xe điện

- CĐR phù hợp định hướng chuyển đổi số của cơ sở đào tạo: Việc tích hợp năng lực số được tiến hành theo kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường, phù hợp với lộ trình phát triển chương trình đào tạo. CĐR thể hiện mục tiêu đào tạo người lao động có khả năng thích ứng công nghệ, đáp ứng môi trường làm việc số hóa.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

3.2.2.2. Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình

Mở đầu:

Toàn bộ chương trình đào tạo của Nhà trường đều có quyết định phê duyệt, ban hành, đảm bảo 100% chương trình đào tạo được xây dựng, chuyển đổi theo đúng các qui định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Song song với việc xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo, Nhà trường đã triển khai kế hoạch biên soạn giáo trình, bài giảng các môn học, mô đun và tổ chức thẩm định, nghiệm thu toàn bộ các giáo trình môn học, môđun trong chương trình đào tạo ở cấp khoa. Các giáo trình, bài giảng và tài liệu giảng dạy hiện có đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cần đạt trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

**** Những điểm mạnh:***

Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học hợp lý đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, quy định cụ thể phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Chương trình, giáo trình của Nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo, được thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động.

Những tồn tại:

Ý kiến tham gia của các chuyên gia từ các cơ sở SXKD, dịch vụ trong việc xây dựng chương trình chưa đều khắp ở các ngành đào tạo của Nhà trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng.

Hàng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện các chương trình, giáo trình đào tạo.

Hàng năm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện có.

Tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng chương trình, giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Tiêu chuẩn 2.1: *Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được xây dựng đầy đủ, khoa học và hệ thống, bao gồm các nội dung bắt buộc theo quy định như: thông tin chung về ngành, nghề đào tạo; mục tiêu, chuẩn đầu ra; khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo; cấu trúc chương trình; danh mục môn học, mô đun; đề cương chi tiết từng môn học/mô đun; hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra – đánh giá và thi tốt nghiệp. Cấu trúc chương trình được thiết kế logic, liên thông chặt chẽ giữa các học phần, đảm bảo trình tự từ kiến thức cơ sở đến chuyên môn, từ lý thuyết đến thực hành, góp phần hình thành và phát triển đầy đủ năng lực nghề cho người học.

Chương trình có tính linh hoạt, cho phép điều chỉnh phương pháp tổ chức đào tạo, lồng ghép nội dung năng lực số, cập nhật công nghệ mới; đồng thời đáp ứng yêu cầu đa dạng của các đối tượng người học, điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. Nội dung chương trình được thường xuyên rà soát, cập nhật trên cơ sở ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, giáo viên, người học và các bên liên quan nhằm bảo đảm tính phù hợp với thực tiễn sản xuất, dịch vụ và xu hướng phát triển nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt và ban hành theo quy định hiện hành, được công bố công khai và làm căn cứ triển khai công tác giảng dạy, kiểm tra – đánh giá cũng như cải tiến chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: *Nội dung chương trình đạo tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học công nghệ, yêu cầu trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương*

Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung, chuẩn đầu ra và yêu cầu thực tiễn của ngành, nghề đào tạo, bảo đảm phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ, yêu cầu đổi mới trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, của ngành và địa phương. Các học phần lý thuyết và mô đun thực hành được thiết kế theo hướng gắn chặt với thực tiễn, chú trọng kỹ năng nghề nghiệp, thao tác trên thiết bị, máy móc hiện đại và quy trình công nghệ đang được áp dụng trong doanh nghiệp.

Chương trình có tính cập nhật và thích ứng, thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung về công nghệ mới, quy trình sản xuất tiên tiến, thiết bị, vật liệu hiện

đại và tiêu chuẩn an toàn, chất lượng nhằm đảm bảo người học tiếp cận được những yêu cầu nghề nghiệp đang được các đơn vị sử dụng lao động áp dụng. Đồng thời, các nội dung về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học và trong thực hành nghề cũng được lồng ghép trong chương trình, giúp người học có khả năng thích nghi với môi trường lao động số hóa.

Việc xây dựng và cập nhật nội dung chương trình có sự tham gia góp ý của doanh nghiệp, chuyên gia nghề, đội ngũ giảng viên và đại diện người học, bảo đảm thông tin phản hồi từ thực tiễn sản xuất được tiếp thu kịp thời. Qua đó, các mô đun thực hành, thực tập, bài tập lớn được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu kỹ năng của thị trường, chú trọng hình thành năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong môi trường sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực tế.

Nhận định: Có thể khẳng định rằng nội dung chương trình đào tạo đáp ứng tốt sự thay đổi của khoa học – công nghệ, phù hợp với yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện nay cũng như nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ngành và địa phương. Chương trình bảo đảm tính thực tiễn, khả năng cập nhật và thích ứng cao, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp và cơ hội việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra, Mỗi môn học, mô đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được thiết kế, xây dựng và phát triển trên cơ sở khảo sát nhu cầu nhân lực và tiếp thu phản hồi của các bên liên quan, bao gồm doanh nghiệp sử dụng lao động, đội ngũ giáo viên, người học, cựu người học và các cơ quan quản lý địa phương. Các ý kiến góp ý được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm căn cứ điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo, bảo đảm chương trình phù hợp với yêu cầu thực tiễn của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như định hướng phát triển ngành, nghề của địa phương và xã hội.

Chuẩn đầu ra của chương trình được xây dựng rõ ràng và được chuyển hóa cụ thể thành mục tiêu, nội dung giảng dạy của từng môn học, mô-đun. Mỗi môn học, mô-đun đều xác định vị trí, vai trò trong cấu trúc chương trình, thể hiện rõ mức độ đóng góp vào việc hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra chung. Nội dung các học phần được bố trí theo tiến trình logic, từ kiến thức nền tảng đến kiến thức chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp, từ trình độ cơ bản đến nâng cao; đảm bảo người học được rèn luyện và tích lũy năng lực qua từng giai đoạn học tập để từng bước đạt và hoàn thiện chuẩn đầu ra khi kết thúc khóa học.

Quá trình xây dựng đề cương chi tiết các môn học, mô-đun có sự gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu học phần, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực. Việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra, qua đó cung cấp dữ liệu phản hồi cho công tác cải tiến, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo.

Nhận định: Chương trình đào tạo được xây dựng và phát triển dựa trên nhu cầu thực tiễn và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm tính gắn kết với thị trường lao động và khả năng đáp ứng vị trí việc làm. Mỗi môn học, mô-đun đều thể hiện rõ vai trò, vị trí và tiến

trình hình thành năng lực, góp phần trực tiếp vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình. Cách tiếp cận này bảo đảm tính khoa học, thực tiễn và hiệu quả của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: *Chương trình đào tạo được định kỳ ra soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước và quy chế nội bộ của nhà trường. Hoạt động rà soát, cải tiến được thực hiện thông qua nhiều hình thức như: lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động, chuyên gia ngành nghề, đội ngũ giảng viên, người học, cựu người học, tổng hợp thông tin về tình hình việc làm của người tốt nghiệp, phân tích những yêu cầu mới trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sự phát triển khoa học – công nghệ và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Trên cơ sở các minh chứng và dữ liệu thu thập được, nhà trường tiến hành phân tích mức độ phù hợp của mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình và nội dung các môn học, mô-đun; xác định những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung hoặc tinh giản. Các hoạt động cập nhật tập trung vào việc bổ sung công nghệ mới, đổi mới quy trình kỹ thuật, cập nhật trang thiết bị – vật liệu, tích hợp năng lực số, an toàn lao động và yêu cầu kỹ năng mềm nhằm nâng cao tính thực tiễn và khả năng thích ứng của người học.

Công tác rà soát, cải tiến chương trình được thực hiện theo chu trình bảo đảm sau mỗi lần đánh giá chương trình đều được điều chỉnh phù hợp, nâng cao chất lượng đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động. Các nội dung cập nhật đều được thẩm định, phê duyệt và ban hành đúng quy trình trước khi triển khai giảng dạy.

Nhận định: Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên, có hệ thống và bài bản, bảo đảm theo kịp yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành nghề và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương. Hoạt động cải tiến liên tục giúp chương trình giữ được tính aкtyal (hiện đại), thực tiễn và linh hoạt, nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người học và góp phần đáp ứng hiệu quả nhu cầu nhân lực của xã hội.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: *Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Nhà trường đã xây dựng đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun theo chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp. Các giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn theo quy định, được Hội đồng thẩm định thông qua và Hiệu trưởng ban hành. Giáo trình được lưu trữ tại thư viện, khoa chuyên môn và cung cấp cho giảng viên sử dụng trong giảng dạy.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.*

Giáo trình của từng môn học/mô đun được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, mô tả rõ mục tiêu kiến thức – kỹ năng – thái độ; cụ thể hóa nội dung giảng dạy theo từng bài,

từng hoạt động thực hành. Cấu trúc giáo trình hỗ trợ triển khai phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo dự án, thảo luận nhóm, thực hành – trải nghiệm; đồng thời phù hợp với yêu cầu nghề Công nghệ ô tô và công nghệ hiện hành trong doanh nghiệp.

Các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, năng lực được mô tả rõ ràng và bám sát chuẩn đầu ra của mô đun.

Nội dung giáo trình có cấu trúc hợp lý, có hoạt động thực hành, thí nghiệm, bài tập tình huống, tạo điều kiện áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Nội dung cập nhật theo hệ thống xe ô tô thông dụng đang phổ biến trong doanh nghiệp.

Có hướng dẫn an toàn lao động, quy trình thao tác chuẩn theo tiêu chuẩn nghề.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Giáo trình định kỳ được ra soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.*

Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá và cập nhật giáo trình định kỳ hằng năm. Các nội dung cập nhật được căn cứ vào chuẩn đầu ra, sự thay đổi của công nghệ trong nghề Công nghệ ô tô và phản hồi từ doanh nghiệp. Việc rà soát được thực hiện theo đúng quy trình: lập kế hoạch – lấy ý kiến – họp hội đồng – thẩm định – phê duyệt – ban hành. Tất cả các mô đun/môn học đều có phiên bản giáo trình được cập nhật theo chu kỳ.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

3.2.2.3. Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Hoạt động đào tạo của chương trình nghề Công nghệ ô tô được tổ chức theo đúng quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đã ban hành. Nhà trường triển khai đầy đủ các khâu: lập kế hoạch đào tạo, tổ chức giảng dạy – học tập, kiểm tra – đánh giá, quản lý hồ sơ đào tạo và cải tiến chất lượng. Các hoạt động được thực hiện thống nhất giữa khoa chuyên môn, phòng đào tạo và các đơn vị liên quan, đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động địa phương.

Những điểm mạnh:

Kế hoạch đào tạo được xây dựng bài bản, tuân thủ chương trình khung và được điều chỉnh linh hoạt theo tình hình thực tế.

Thời khóa biểu được bố trí hợp lý, phân bổ thời lượng lý thuyết, thực hành phù hợp đặc thù nghề Công nghệ ô tô.

Giáo viên có chuyên môn tốt, đa số có kinh nghiệm thực tế, có khả năng hướng dẫn thực hành, mô phỏng và xử lý tình huống nghề nghiệp.

Hoạt động dạy học gắn với thực tiễn, thông qua thực hành tại xưởng, mô phỏng và trải nghiệm doanh nghiệp.

Quy trình kiểm tra – đánh giá theo năng lực được triển khai tương đối đầy đủ: đánh giá thường xuyên, định kỳ, đánh giá theo sản phẩm.

Hồ sơ đào tạo được quản lý nề nếp, cập nhật đầy đủ kế hoạch, đề cương, giáo án, kết quả học tập.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong dạy học, như bài giảng điện tử, học liệu số, phần mềm mô phỏng nguyên lý hoạt động của các cơ cấu, hệ thống trên xe ô tô.

Những tồn tại:

Tiến độ đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực chưa đồng đều giữa các bộ môn.

Một số phòng thực hành cần bổ sung thiết bị mới để phù hợp với nội dung đào tạo cập nhật.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Bổ sung thiết bị thực hành theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng thay đổi của ngành Công nghệ ô tô hiện đại.

Chuẩn hóa và số hóa hồ sơ đào tạo, tăng tính minh bạch, phục vụ kiểm định và theo dõi tiến độ học tập của người học.

Đổi mới kiểm tra – đánh giá theo năng lực, xây dựng ngân hàng câu hỏi, bài tập thực hành, tiêu chí đánh giá chi tiết.

***Tiêu chuẩn 3.1**: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.*

Nhà trường có quy định, kế hoạch và chính sách tuyển sinh hằng năm, nêu rõ đối tượng, phương thức, chỉ tiêu, điều kiện xét tuyển, quyền lợi của người học.

Chính sách tuyển sinh được công bố công khai trên các kênh: website nhà trường, fanpage, pano – áp phích, đài truyền thanh, tờ rơi, thông báo tại địa phương và tại các trường phổ thông.

Chính sách tuyển sinh được cập nhật hằng năm theo quy định của Tổng cục GDNN và theo đặc thù ngành Công nghệ ô tô.

Hoạt động tư vấn tuyển sinh được triển khai đa dạng: tư vấn trực tiếp tại trường THCS/THPT, tư vấn tại cơ sở đào tạo, trực tuyến, hướng dẫn tham quan xưởng thực hành, giới thiệu nghề và cơ hội việc làm.

Nội dung tư vấn giúp người học xác định năng lực, định hướng nghề nghiệp, hiểu rõ chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo và yêu cầu kỹ năng nghề Điện công nghiệp.

Nhà trường có minh chứng theo dõi số lượng học sinh được tư vấn, số học sinh đăng ký và nhập học theo từng đợt.

Kết quả tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô đạt từ 90% trở lên so với chỉ tiêu được giao trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

Có báo cáo tổng hợp và đánh giá hiệu quả tuyển sinh, làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch cho năm tiếp theo.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phương pháp đào tạo được lựa chọn và triển khai phù hợp với nội dung, mục tiêu và đặc thù của từng môn học, mô-đun, bảo đảm định hướng đào tạo theo tiếp cận phát triển năng lực người học, góp phần trực tiếp vào việc đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Nhà trường kết hợp linh hoạt giữa phương pháp dạy học truyền

thống (thuyết trình gợi mở, giảng giải, hướng dẫn mẫu) với các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học theo dự án, dạy học theo tình huống, học theo nhiệm vụ, mô phỏng quy trình sản xuất, thực hành tại xưởng, làm việc nhóm và thảo luận, nhằm nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

Đối với các mô-đun, môn học thực hành nghề, phương pháp đào tạo được tổ chức theo hướng "học đi đôi với làm", chú trọng thực hành, rèn luyện kỹ năng thao tác trên thiết bị – máy móc, thực tập trong doanh nghiệp và đánh giá năng lực theo quá trình. Các môn học lý thuyết được triển khai theo hình thức dạy học tích hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, lồng ghép ví dụ sản xuất thực tế, bài tập vận dụng, trao đổi nhóm nhằm giúp người học hiểu sâu kiến thức và áp dụng hiệu quả vào công việc nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học số và học liệu điện tử trong quá trình giảng dạy, góp phần đổi mới phương pháp đào tạo, phát huy tính chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và năng lực số của người học.

Nhận định: Việc tổ chức và áp dụng các phương pháp đào tạo tại nhà trường là phù hợp, linh hoạt và hiệu quả, đảm bảo đáp ứng nội dung và mục tiêu của từng môn học, mô-đun. Các phương pháp đào tạo đã góp phần tích cực vào việc phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm của người học, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: *Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.*

Hoạt động dạy và học được tổ chức theo hướng lấy người học làm trung tâm, khuyến khích người học chủ động tham gia vào quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề.

Giáo viên sử dụng các hoạt động học tập như: thảo luận nhóm, làm việc theo nhiệm vụ, giải quyết tình huống, báo cáo kết quả thực hành, giúp người học phát triển khả năng hợp tác và tổ chức làm việc nhóm.

Các bài học được thiết kế nhằm rèn luyện khả năng làm việc độc lập, thông qua nhiệm vụ cá nhân, bài tập nghiên cứu ngắn, nhật ký học tập và đánh giá quá trình.

Người học được phân công thực hiện bài tập thực hành, mô đun tích hợp, yêu cầu lập kế hoạch, thao tác kỹ thuật và tự đánh giá sản phẩm, góp phần phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra.

Nhà trường triển khai các hoạt động học tập nâng cao kỹ năng tự học như: học liệu số, video hướng dẫn thực hành, mô phỏng kỹ thuật, hệ thống bài tập bổ trợ online, tạo điều kiện cho người học tự nghiên cứu ngoài giờ học.

Giáo viên áp dụng các phương pháp khuyến khích tư duy độc lập như phân tích lỗi sai, đối chiếu kết quả, giao nhiệm vụ dự án nhỏ trong các mô đun chuyên ngành.

Các hoạt động đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, quan sát thao tác, chấm sản phẩm, đánh giá theo tiêu chí, giúp người học tự nhận diện tiến bộ và điều chỉnh cách học.

Nhà trường khuyến khích người học rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời thông qua việc giới thiệu tài liệu tham khảo, hướng dẫn tìm kiếm thông tin kỹ thuật, cập nhật công nghệ mới và tham gia ngoại khóa, câu lạc bộ nghề.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc*

Trường duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động thông qua kế hoạch liên kết đào tạo hằng năm. Các doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào việc xây dựng nội dung thực hành, bố trí vị trí thực tập phù hợp với ngành nghề và hỗ trợ giảng dạy thực tế. Công tác tổ chức thực hành, thực tập được triển khai đồng bộ; người học được hướng dẫn bởi đội ngũ kỹ thuật viên và cán bộ chuyên môn tại doanh nghiệp, bảo đảm sát với môi trường làm việc thực tế. Hoạt động phối hợp được đánh giá có hiệu quả, giúp nâng cao kỹ năng nghề, khả năng thích ứng và cơ hội việc làm của người học ngay sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: *Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp đảm bảo công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.*

Nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống quy trình về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, bao gồm: Quy chế kiểm tra – đánh giá; Quy trình ra đề, thẩm định đề; Quy trình coi thi, chấm thi; Quy trình phúc khảo; Quy trình xét công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng. Các quy trình này được ban hành thành văn bản, công khai trên website và phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên, người học. Minh chứng gồm: quyết định ban hành quy chế; các hướng dẫn nghiệp vụ; sổ tay đào tạo; kế hoạch kiểm tra định kỳ.

Việc tổ chức kiểm tra, thi và chấm điểm được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công bằng, minh bạch. Nhà trường thành lập hội đồng thi, phân công giám thị, giám khảo theo đúng chuyên môn; các đề thi được thẩm định độc lập; bài thi được mã hóa, chấm theo đáp án, thang điểm thống nhất. Minh chứng: biên bản họp hội đồng; danh sách cán bộ coi thi – chấm thi; đề thi – đáp án; biên bản niêm phong, mở niêm phong đề thi; biên bản chấm thi và tổng hợp điểm.

Quy trình cấp phát văn bằng được thực hiện chặt chẽ, đối chiếu thông tin từ hệ thống quản lý đào tạo, bảng điểm chính thức và biên bản xét tốt nghiệp; văn bằng được in, ký, đóng dấu theo đúng quy định của Bộ LĐTB&XH và được ghi sổ cấp văn bằng. Minh chứng: biên bản xét công nhận tốt nghiệp; danh sách cấp văn bằng; sổ gốc văn bằng; các quyết định công nhận tốt nghiệp.

Hồ sơ kiểm tra, thi, đánh giá và hồ sơ cấp văn bằng được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng, khoa học theo quy định về công tác văn thư – lưu trữ; có sổ theo dõi, có phân loại (hồ sơ đề thi, bài thi, điểm thi, hồ sơ tốt nghiệp…) và có thời hạn lưu trữ phù hợp. Minh chứng: hồ sơ lưu trữ tại phòng đào tạo; danh mục hồ sơ; biên bản bàn giao – lưu trữ; phiếu kiểm tra nội bộ về công tác lưu trữ.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: *Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.*

Nhà trường áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu của từng mô đun, môn học. Việc đánh giá được triển khai theo hướng phát triển năng lực, chú trọng cả kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp. Các phương pháp đánh giá bao gồm: đánh giá thường xuyên (quan sát, hỏi – đáp, bài tập, thảo luận nhóm), đánh giá định kỳ (kiểm tra

viết, thực hành, trắc nghiệm), đánh giá cuối mô đun/môn học (thi lý thuyết, thi thực hành, sản phẩm dự án). Trong đào tạo thực hành nghề, nhà trường sử dụng các bài kiểm tra tay nghề, bài tập tình huống, đánh giá qua sản phẩm hoặc quy trình thực hiện. Các phương pháp đánh giá đều được kết nối trực tiếp với chuẩn đầu ra từng học phần và năng lực nghề nghiệp theo chương trình đào tạo.

Giáo viên được hướng dẫn xây dựng ma trận đề, tiêu chí đánh giá (rubric), thang điểm và đáp án phù hợp với mức độ yêu cầu của chuẩn đầu ra. Việc đánh giá được thực hiện minh bạch, đảm bảo phản ánh đúng năng lực người học.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.*

Nhà trường tổ chức tổng hợp, phân tích kết quả kiểm tra – đánh giá của người học theo từng mô đun, môn học và theo từng kỳ để theo dõi mức độ đạt chuẩn đầu ra. Kết quả học tập được giáo viên cập nhật đầy đủ vào hệ thống quản lý đào tạo và báo cáo về khoa/phòng đào tạo đúng thời hạn. Giáo viên thực hiện phản hồi trực tiếp cho người học thông qua nhận xét bài làm, thảo luận trên lớp, họp nhóm và hướng dẫn bổ sung đối với các nội dung chưa đạt. Các tổ chuyên môn định kỳ phân tích điểm kiểm tra, tỷ lệ đạt, các lỗi phổ biến để điều chỉnh phương pháp dạy học, nội dung bài giảng hoặc cách tổ chức thực hành, thực tập. Những phân tích này được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chương trình, giáo trình và hoạt động đào tạo trong kỳ học tiếp theo.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

3.2.2.4. Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

Mở đầu:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường được bố trí theo đúng cơ cấu, số lượng và trình độ chuyên môn theo quy định đối với chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp. Nhà trường thường xuyên chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề và chuyển đổi số. Đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức, thực hiện chương trình đào tạo và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập.

Những điểm mạnh:

– Số lượng và cơ cấu giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định đối với chương trình trung cấp nghề Công nghệ ô tô.

– Trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn, nhiều giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn tại doanh nghiệp, khả năng hướng dẫn thực hành tốt.

– Đội ngũ được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chuẩn kỹ năng nghề và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy.

– Cán bộ quản lý có năng lực quản trị đào tạo, nắm vững quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, quản lý chất lượng và kế hoạch đào tạo.

– Viên chức, người lao động được phân công rõ nhiệm vụ; thực hiện tốt công tác hỗ trợ đào tạo, hành chính, thiết bị – vật tư.

– Môi trường làm việc đoàn kết, tinh thần hợp tác tốt; công tác đánh giá, xếp loại được thực hiện minh bạch và đúng quy định.

Những tồn tại:

– Một số giáo viên còn hạn chế trong việc ứng dụng các phần mềm mô phỏng, công nghệ số và phương pháp dạy học tích cực.

– Công tác bồi dưỡng chuyên sâu theo từng mảng của nghề Công nghệ ô tô (xe điện, xe sửa dụng công nghệ hybid…) chưa được thực hiện thường xuyên.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

– Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo hướng chuẩn hóa và nâng cao, đặc biệt về công nghệ mới trong nghề Công nghệ ô tô.

– Đẩy mạnh bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số, sử dụng phần mềm mô phỏng, thiết kế bài giảng e-learning và công cụ đánh giá trực tuyến.

– Thu hút giáo viên chất lượng cao thông qua chính sách hỗ trợ, đãi ngộ và hợp đồng thỉnh giảng với chuyên gia doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn 4.1: *Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan*

Mô tả, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy của nhà trường đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm đạt chuẩn theo quy định đối với giáo dục nghề nghiệp; được đào tạo đúng hoặc phù hợp với ngành, nghề giảng dạy. Nhà giáo có kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề và phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo.

Đội ngũ giáo viên có khả năng tổ chức dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực, thực hiện tốt các phương pháp dạy học tích cực, tích hợp lý thuyết với thực hành, vận dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, góp phần bảo đảm thực hiện đầy đủ mục tiêu đào tạo và đạt chuẩn đầu ra của chương trình. Đồng thời, đội ngũ nhà giáo tuân thủ nghiêm các quy định về tổ chức đào tạo, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn người học theo kế hoạch đào tạo của nhà trường.

Nhận định: Đội ngũ nhà giáo của nhà trường có trình độ đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo, đủ năng lực đảm bảo chất lượng giảng dạy và góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo nghề.

Bằng cấp: 07 Đại học; 03 thạc sỹ:

Nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3: 04 người

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4.2: *Bảo đảm tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.*

Mô tả, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo của nhà trường được phân công nhiệm vụ giảng dạy phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm và kinh nghiệm thực tiễn của từng giáo viên, bảo đảm đáp ứng yêu cầu giảng dạy đối với từng môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo. Việc bố trí, sắp xếp giảng dạy được thực hiện khoa học, linh hoạt, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, đặc điểm nội dung môn học, mô-đun và năng lực chuyên môn của từng

nhà giáo, góp phần phát huy tối đa thế mạnh của đội ngũ giảng viên và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Nhà trường bảo đảm đủ đội ngũ giáo viên để giảng dạy toàn bộ các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo, không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên hoặc gián đoạn kế hoạch giảng dạy. Việc tổ chức lớp học luôn tuân thủ các quy định về tỷ lệ số người học/lớp học và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo, bảo đảm quy mô lớp phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đặc thù đào tạo nghề và yêu cầu bảo đảm chất lượng đào tạo.

Nhận định: Công tác phân công đội ngũ nhà giáo của nhà trường được thực hiện hợp lý, đúng năng lực và kinh nghiệm, bảo đảm 100% các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo có đủ giáo viên giảng dạy và tuân thủ quy định về tỷ lệ người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo. Nhờ đó, chất lượng tổ chức đào tạo được duy trì ổn định và hiệu quả.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4.3: *Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo.*

Mô tả, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo theo từng giai đoạn, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và không ngừng nâng cao về chất lượng để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo. Kế hoạch phát triển đội ngũ tập trung vào các nội dung như: tuyển dụng, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện kỹ năng nghề, bồi dưỡng năng lực số và phương pháp giảng dạy hiện đại, đồng thời cử giáo viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn trong và ngoài trường nhằm cập nhật công nghệ, kỹ thuật mới.

Bên cạnh công tác bồi dưỡng, nhà giáo của trường tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, qua đó góp phần đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo. Nhiều nhà giáo tích cực tham gia các hội thi giáo viên dạy giỏi, tay nghề, thi thiết bị tự làm và các hội thi chuyên môn, nghiệp vụ khác ở cấp cơ sở, cấp tỉnh và ngành, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, khẳng định năng lực và uy tín của đội ngũ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Nhận định: Nhà trường đã chủ động xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, bảo đảm đáp ứng cả về số lượng và chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Đội ngũ nhà giáo có tinh thần trách nhiệm, tích cực học tập nâng cao trình độ, tham gia nghiên cứu khoa học và các hội thi chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4.4: *Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.*

Nhà trường triển khai việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo quy trình định kỳ hằng năm và theo các giai đoạn phát triển của chương trình đào tạo.

Nhu cầu được tổng hợp từ Đề án vị trí việc làm, quy hoạch đội ngũ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp, kết quả dự giờ, đánh giá chuyên môn và các yêu cầu mới của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm, chuyển đổi số, kỹ năng thực hành, kiến thức công nghệ mới, đồng thời phối hợp doanh nghiệp tổ chức thực tập, cập nhật thiết bị và quy trình sản xuất. Giảng viên được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo lại và hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Có quy trình xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

Thực hiện các hoạt động bồi dưỡng theo kế hoạch

Hoạt động thực tập, cập nhật công nghệ tại doanh nghiệp

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng, yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.*

Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định của Bộ, của nhà trường, của vị trí việc làm.

Có phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn và năng lực; công việc được thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ.

Tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh và tổ chức triển khai chương trình đào tạo theo chức năng được giao.

Tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn.

Có hồ sơ minh chứng về quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả đánh giá hằng năm đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Có kế hoạch bồi dưỡng hằng năm và kế hoạch dài hạn, được phê duyệt và triển khai.

Kết quả bồi dưỡng được ứng dụng vào thực tế công việc, thể hiện qua cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng quản lý, hỗ trợ đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với các nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo*

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (lương, bảo hiểm, phụ cấp ưu đãi, thâm niên, trách nhiệm…).

Có văn bản hướng dẫn, quyết định áp dụng chế độ tại đơn vị, triển khai đúng và đủ cho các đối tượng.

Có chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với cá nhân có thành tích trong giảng dạy, quản lý, nghiên cứu khoa học, tham gia hội thi chuyên môn, hoặc đóng góp cải tiến chương trình đào tạo.

Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong chi trả chế độ; công bố kế hoạch, kết quả thực hiện.

Kết quả khen thưởng gắn với đóng góp thực chất vào cải tiến quy trình quản lý đào tạo, chất lượng giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

3.2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

Mở đầu:

Khoa công nghệ kỹ thuật Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng đã trải qua 26 năm trưởng thành và phát triển, qua từng giai đoạn Khoa đã đổi tên và được nâng cấp phù hợp với mục tiêu đào tạo. Được sự quan tâm của Nhà trường khoa đã được đầu tư các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy.

Về cơ sở vật chất như nhà xưởng, văn phòng khoa ngày càng khang trang hiện đại đảm bảo công tác đào tạo và cũng như cảnh quan môi trường sư phạm trong nhà trường.

Về trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo của khoa cũng như của Nhà trường.

**** Những điểm mạnh:***

Trường có 1 cơ sở đào tạo chính với tổng diện tích 6.182m^2 nằm trên vùng đất bằng phẳng, nền đất tốt, cao ráo, không bị úng ngập, thuận tiện cho việc cung cấp điện và nước sinh hoạt. Vị trí xây dựng trường phù hợp với qui hoạch chung của khu vực dân cư và mạng lưới cơ sở dạy nghề, giao thông thuận tiện.

Cơ sở của trường có hệ thống hạ tầng cơ sở được trang bị tương đối đầy đủ và hoạt động tốt, phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường.

Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Có hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước chung, riêng cho các khu vực trong trường theo nhu cầu hoạt động học tập và sinh hoạt. Các công trình xây dựng đều được lắp đặt hệ thống thiết bị phòng chống cháy nổ đầy đủ và hiện đại.

Nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành phong phú về số lượng, chủng loại và chất lượng. Đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, mỹ thuật công nghiệp, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hệ thống kho lưu giữ, bảo quản được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

**** Những tồn tại:***

Diện tích xưởng thực tập còn nhỏ.

Còn một số nghề mới chuyển sang đào tạo theo chương trình mới nên một số thiết bị chưa đủ về số lượng trên đầu người học

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Trong giai đoạn 2025 - 2030 đẩy mạnh việc xây dựng trường trên cơ sở qui hoạch tổng thể được Bộ giáo dục và đào tạo phê duyệt để đáp ứng yêu cầu mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng qui mô đào tạo. Tăng cường công tác quản lý, khai thác thiết bị thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với thực tế sản xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện đời sống cho viên chức giáo viên

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống phòng học, khu vực thực hành, thực nghiệm của nhà trường được đầu tư, xây dựng và bố trí theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề. Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ bàn ghế, hệ thống điện chiếu sáng, thông gió, thiết bị trình chiếu và kết nối công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy. Phòng chuyên môn, xưởng thực hành và khu vực thực nghiệm được bố trí theo dây chuyền công nghệ đào tạo, có thiết bị, máy móc phù hợp với nội dung mô đun, bảo đảm gắn lý thuyết với thực hành và đáp ứng yêu cầu tiếp cận kỹ thuật và công nghệ hiện hành của ngành, nghề đào tạo.

Việc khai thác, sử dụng cơ sở vật chất được tổ chức khoa học, hiệu quả, đáp ứng tốt quy mô đào tạo; đồng thời chú trọng các yêu cầu về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường như: tiết kiệm năng lượng, quản lý rác thải, thông gió. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động được xác định cụ thể và triển khai đồng bộ trong toàn trường thông qua hệ thống nội quy, quy trình vận hành phòng học – xưởng thực hành, trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động, sơ đồ thoát hiểm và tập huấn an toàn định kỳ cho người học và cán bộ, giảng viên.

Đối với nhu cầu tiếp cận của người khuyết tật và yêu cầu bình đẳng giới, nhà trường đã bố trí lối đi phù hợp, khu vệ sinh thuận tiện, phòng học đảm bảo không gian sử dụng linh hoạt; tổ chức các hoạt động dạy và học, quản lý theo nguyên tắc không phân biệt đối xử, tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn và hòa nhập cho mọi đối tượng người học.

Nhận định: Hệ thống phòng học, phòng chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm của nhà trường đáp ứng đầy đủ quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất và các yêu cầu công nghệ hiện hành, bảo đảm các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, an toàn và phát triển bền vững. Việc quan tâm đến nhu cầu tiếp cận của người khuyết tật và thực hiện bình đẳng giới thể hiện cam kết xây dựng môi trường đào tạo an toàn, thân thiện, không phân biệt đối xử, góp phần nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của nhà trường được đầu tư và trang bị đầy đủ về số lượng, phù hợp với đặc thù của từng ngành, nghề và các mô-đun trong chương trình đào tạo. Thiết bị được lựa chọn, bố trí theo danh mục tối thiểu do cơ quan quản lý quy định và căn cứ vào yêu cầu nội dung đào tạo, bảo đảm đáp ứng yêu cầu giảng dạy lý thuyết, thực hành, thực nghiệm và kiểm tra, đánh giá năng lực người học.

Các thiết bị, máy móc và dụng cụ thực hành được bố trí khoa học tại xưởng thực hành, phòng chuyên môn; đảm bảo số lượng đủ phục vụ học theo nhóm, theo ca; phù hợp

với quy mô lớp học và giúp người học được trực tiếp thao tác, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Nhiều thiết bị đào tạo được cập nhật theo công nghệ mới, mô phỏng sát với thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại doanh nghiệp, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu lao động thực tế.

Công tác quản lý, sử dụng và bảo trì thiết bị được thực hiện nghiêm túc thông qua các quy định, quy trình vận hành, kiểm kê, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, bảo đảm thiết bị hoạt động ổn định, an toàn và duy trì hiệu quả sử dụng lâu dài. Giáo viên và người học được hướng dẫn đầy đủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng thiết bị đúng mục đích trong quá trình thực hành.

Nhận định: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của nhà trường đầy đủ về số lượng, phù hợp về chủng loại và đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Việc đầu tư, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thiết bị đã góp phần bảo đảm chất lượng đào tạo, nâng cao năng lực thực hành và khả năng đáp ứng nghề nghiệp của người học sau tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: *Thiết, bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.*

- Công tác quản lý và bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được triển khai đầy đủ, đúng quy định và bảo đảm tính hiệu quả. Toàn bộ thiết bị, dụng cụ được lập danh mục chi tiết, phân loại theo từng mô đun và lĩnh vực nghề, đồng thời được cập nhật thường xuyên trong sổ theo dõi và phần mềm quản lý (nếu có). Quy trình xuất – nhập, bàn giao và sử dụng thiết bị được thực hiện công khai, minh bạch, có ký xác nhận giữa bộ phận thiết bị và giáo viên phụ trách nhằm bảo đảm tính trách nhiệm và kiểm soát tốt quá trình khai thác sử dụng.

- Công tác bảo dưỡng được triển khai định kỳ theo kế hoạch hằng tháng, hằng quý hoặc theo chu kỳ sử dụng của từng loại thiết bị. Bộ phận phụ trách thiết bị tổ chức kiểm tra tình trạng hoạt động, vệ sinh, bảo trì và kịp thời sửa chữa hoặc đề xuất thay thế các thiết bị hư hỏng, xuống cấp. Các hoạt động bảo dưỡng đều được ghi chép đầy đủ vào biên bản nhằm theo dõi lịch sử thiết bị, góp phần nâng cao tuổi thọ, đảm bảo tính ổn định và an toàn khi vận hành.

- Việc bố trí thiết bị trong phòng học, xưởng thực hành được thực hiện khoa học, hợp lý, tuân thủ đúng yêu cầu sư phạm, tiêu chuẩn an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Các thiết bị dễ cháy nổ, thiết bị điện – điện tử và dụng cụ cơ khí được bố trí theo khu vực riêng, có biển báo cảnh báo và hướng dẫn vận hành. Khu vực sử dụng thiết bị luôn được vệ sinh thường xuyên, đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, giảm thiểu nguy cơ mất an toàn cho người học và giáo viên.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: *Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiện, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo được tái sử dụng hiệu quả.*

Nhà trường đã ban hành và áp dụng đầy đủ quy trình quản lý, cấp phát nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu phục vụ đào tạo. Quy trình quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị

liên quan gồm bộ phận thiết bị – vật tư, các khoa/bộ môn và giáo viên phụ trách mô đun, bảo đảm việc sử dụng vật tư minh bạch, đúng mục đích, đúng chủng loại và theo định mức được phê duyệt.

Nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp theo từng khu vực, thuận tiện cho việc xuất – nhập và bảo quản. Nhà trường tổ chức phân loại vật tư theo tính chất (dễ cháy nổ, dễ hỏng, vật tư thông dụng, vật tư chuyên dùng…) và áp dụng các yêu cầu an toàn trong lưu trữ. Khu vực kho được trang bị đầy đủ giá kệ, tủ chứa và có hệ thống ghi nhãn, mã hóa đảm bảo nhận diện nhanh và tránh thất lạc.

Công tác cấp phát được thực hiện theo kế hoạch đào tạo hằng năm và tiến độ triển khai các mô đun. Giáo viên lập phiếu đề nghị cấp phát vật tư theo từng bài thực hành; bộ phận thiết bị đối chiếu định mức, kiểm tra tồn kho và tổ chức cấp phát bảo đảm đủ số lượng, đúng tiến độ phục vụ hoạt động giảng dạy. Nhà trường triển khai các biện pháp quản lý việc sử dụng vật tư nhằm tối ưu chi phí, tăng cường tái sử dụng vật liệu còn giá trị và giảm thiểu lãng phí.

Việc theo dõi, cập nhật tồn kho và báo cáo xuất–nhập vật tư được thực hiện thường xuyên, định kỳ rà soát sự chênh lệch, từ đó đề xuất bổ sung kịp thời cho phù hợp với thực tế. Công tác quản lý nguyên, nhiên, vật liệu đã góp phần bảo đảm hoạt động đào tạo diễn ra liên tục, hiệu quả và an toàn.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

***Tiêu chuẩn 5.5**: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.*

Thư viện và hệ thống học liệu của nhà trường được xây dựng đầy đủ, phù hợp với ngành nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu tham khảo và nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học. Nguồn học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, tài liệu số, cơ sở dữ liệu điện tử và hệ thống học tập trực tuyến được cập nhật định kỳ theo tiến độ đổi mới chương trình đào tạo.

Thư viện được tổ chức theo hướng mở, bố trí khoa học, dễ tra cứu, đảm bảo môi trường học tập thuận lợi. Nhà trường áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong công tác quản lý thư viện như phần mềm quản lý mượn – trả, cơ sở dữ liệu tra cứu trực tuyến, thư viện số và kho tài nguyên học tập điện tử, góp phần tăng tính tiện lợi, minh bạch và hiệu quả sử dụng.

Người học và nhà giáo được tạo điều kiện truy cập học liệu mọi lúc mọi nơi thông qua các nền tảng số, website thư viện, hệ thống LMS hoặc học liệu nội bộ. Các hoạt động hỗ trợ như hướng dẫn sử dụng thư viện, truy cập tài liệu điện tử, khai thác học liệu số được thực hiện thường xuyên. Học liệu phục vụ tốt cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác, góp phần bảo đảm thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

***Tiêu chuẩn 5.6:** Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo*

Thiết bị và dụng cụ đào tạo được trang bị đầy đủ, phù hợp với chương trình đào tạo và định mức tối thiểu theo quy định. Hệ thống máy móc, công cụ, mô hình, thiết bị điện –

điện tử, thiết bị đo lường, thực hành và mô phỏng được cập nhật theo sự phát triển của khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề điện công nghiệp ở trình độ trung cấp. Các thiết bị được bố trí hợp lý tại phòng học lý thuyết, xưởng thực hành và các phòng học chuyên môn hóa nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động giảng dạy và học tập.

Bên cạnh đào tạo trực tiếp, nhà trường bảo đảm đầy đủ các điều kiện phục vụ đào tạo trực tuyến. Cơ sở hạ tầng CNTT, đường truyền internet, máy tính, phòng học trực tuyến, hệ thống phần mềm LMS và kho học liệu số được triển khai ổn định, cho phép nhà giáo và người học thực hiện các hoạt động học tập, kiểm tra và đánh giá từ xa theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Hệ thống được cập nhật định kỳ, bổ sung phần mềm hỗ trợ mô phỏng, bài giảng điện tử, video thực hành và các công cụ tương tác nhằm nâng cao trải nghiệm học tập.

Thiết bị đào tạo trực tuyến và trực tiếp đều được kiểm tra, bảo trì định kỳ, bảo đảm an toàn và hoạt động ổn định. Nhìn chung, các điều kiện đào tạo đạt yêu cầu về số lượng, chủng loại và tính năng, góp phần hỗ trợ thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

***3.2.2.6. Tiêu chí 6:* Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Mở đầu:

Công tác quản lý người học và hoạt động hỗ trợ người học được nhà trường triển khai theo đúng quy định, bảo đảm môi trường học tập thuận lợi, an toàn và tạo điều kiện để người học phát triển năng lực nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và kỹ năng mềm. Nhà trường xây dựng các chính sách, quy trình và dịch vụ hỗ trợ người học một cách hệ thống, bao gồm hỗ trợ học tập, hỗ trợ đời sống, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp.

Những điểm mạnh:

Công tác quản lý người học được thực hiện chặt chẽ thông qua hồ sơ điện tử, sổ theo dõi quá trình rèn luyện, điểm danh, kết quả học tập và đánh giá định kỳ.

Chính sách hỗ trợ người học đầy đủ, gồm miễn giảm học phí, học bổng, hỗ trợ khó khăn, bảo hiểm y tế, hỗ trợ nội trú và các chế độ chính sách theo quy định.

Hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập triển khai thường xuyên: phụ đạo, bổ sung kiến thức, hỗ trợ phương pháp học, hướng dẫn thực hành.

Dịch vụ hỗ trợ đời sống tốt, đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường; có cán bộ chuyên trách quản lý người học.

Công tác hướng nghiệp, việc làm được chú trọng, liên kết doanh nghiệp để thực tập, tuyển dụng, tổ chức hội thảo nghề nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình học tập và phản hồi người học, qua đó nâng cao hiệu quả hỗ trợ.

Các câu lạc bộ, phong trào đoàn – hội tạo môi trường rèn luyện kỹ năng mềm, tác phong công nghiệp cho người học.

Những tồn tại:

Một số hoạt động hỗ trợ kỹ năng mềm và tư vấn định hướng nghề nghiệp chưa được triển khai đồng đều giữa các khoa/ngành.

Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học chưa được thực hiện thường xuyên hoặc chưa có sự phân tích sâu.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Củng cố dịch vụ tư vấn học đường: bố trí cán bộ kiêm nhiệm tư vấn tâm lý, tập huấn kỹ năng tư vấn cho cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm.

Chuẩn hóa hoạt động hướng nghiệp – việc làm, phối hợp chặt chẽ hơn với doanh nghiệp để mở rộng thực tập, trải nghiệm nghề và tuyển dụng.

Mở rộng các câu lạc bộ kỹ năng, hội thi nghề, tạo môi trường rèn luyện tác phong công nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp.

Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý – hỗ trợ người học, nâng cao năng lực trong công tác tư vấn và hỗ trợ.

Tiêu chuẩn 6.1: *Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ các thông tin liên quan đến ngành, nghề đào tạo và chương trình đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, thời gian học tập và phương thức tổ chức đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của nhà trường cũng như các chế độ, chính sách đối với người học. Các nội dung thông tin được mô tả rõ ràng, chính xác, kịp thời và dễ tiếp cận.

Thông tin được cung cấp thông qua nhiều kênh đa dạng như: website chính thức, cổng thông tin tuyển sinh, bảng tin tại trường, tài liệu nhập học, các buổi tư vấn, sinh hoạt đầu khóa và các nền tảng truyền thông số của nhà trường. Điều này giúp người học và các bên liên quan dễ dàng tra cứu, nắm bắt đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ và các quy định cần thiết, từ đó chủ động trong quá trình học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động tại trường.

Nhận định: Việc công khai thông tin về ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế thi, kiểm tra, xét tốt nghiệp, nội quy nhà trường và các chế độ, chính sách đối với người học được thực hiện rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và minh bạch, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tạo sự đồng thuận và hỗ trợ tích cực cho người học trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo.

Đối với các học sinh sinh viên nội trú ở Ký túc xá, ngay sau khi bố trí chỗ ở, phòng Ban Quản lý KTX tổ chức cuộc họp Ký túc xá đầu năm học. Trong cuộc họp này HS nội trú, đặc biệt là các HS khoá mới được nghe phổ biến nội quy và các quy định của ký túc xá, được hỏi đáp và đề đạt nguyện vọng với Nhà trường qua Ban Quản lý KTX. Đối với học sinh ngoại trú, hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch phối hợp với công an, chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra để nắm bắt tình hình học sinh, ở ngoại trú, kịp thời giáo dục, uốn nắn, xử ký kịp thời các trường hợp vi phạm.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường bảo đảm đầy đủ việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo đúng quy định của Nhà nước và các quy định nội bộ đã ban hành. Các chính sách về miễn, giảm học phí, cấp học bổng, trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế, ký túc xá... được triển khai kịp thời, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi nhằm hỗ trợ người học yên tâm học tập, rèn luyện.

Bên cạnh đó, nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích người học đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện thông qua các hình thức như: tuyên dương, trao giấy khen, học bổng khuyến khích học tập, biểu dương tại các buổi sinh hoạt toàn trường hoặc trên các kênh thông tin của nhà trường. Việc xét khen thưởng đảm bảo đúng đối tượng, quy trình rõ ràng, công bằng và kịp thời.

Trong quá trình đào tạo, người học còn được hỗ trợ thường xuyên và linh hoạt thông qua các hoạt động tư vấn học tập, định hướng nghề nghiệp, phụ đạo bổ trợ kiến thức, hướng dẫn thực hành, hỗ trợ học liệu, cũng như tạo điều kiện tiếp cận với trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ học tập. Đội ngũ giáo viên, cố vấn học tập và bộ phận quản lý học sinh theo dõi sát sao tình hình học tập, rèn luyện của người học, phối hợp hỗ trợ đối với những trường hợp gặp khó khăn nhằm giúp người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

Qua thực tế triển khai, các chế độ, chính sách và hoạt động hỗ trợ người học của nhà trường được thực hiện đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả, góp phần tạo môi trường học tập tích cực, động viên tinh thần, nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ hoàn thành, tốt nghiệp của người học.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên tổ chức và triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học một cách toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả học tập, rèn luyện và phát triển năng lực nghề nghiệp. Bên cạnh việc bố trí cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên hướng dẫn theo dõi, tư vấn kế hoạch học tập cho người học theo từng học kỳ, nhà trường còn tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tư vấn tâm lý, định hướng nghề nghiệp giúp người học chủ động xây dựng lộ trình học tập phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế.

Nhà trường tạo điều kiện để người học tham gia đa dạng các hoạt động ngoại khóa, văn hóa – văn nghệ, thể dục – thể thao, qua đó góp phần rèn luyện thể chất, kỹ năng mềm, tinh thần đoàn kết và ý thức tập thể. Các hoạt động được tổ chức thường xuyên thông qua các phong trào thi đua, hội thi, hội diễn, giải thể thao, các ngày hội giao lưu văn hóa – thể thao giữa các lớp và với các đơn vị bạn.

Bên cạnh đào tạo chuyên môn, nhà trường đẩy mạnh hoạt động tư vấn thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp thông qua các buổi tọa đàm với doanh nghiệp, ngày hội việc làm, ký kết hợp tác đào tạo, tuyển dụng, cung cấp thông tin tuyển dụng trên website, mạng xã hội và bảng tin nhà trường. Người học được hỗ trợ kỹ năng viết CV, phỏng vấn, tìm kiếm thông tin tuyển dụng và định hướng phát triển nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

Nhận định

Các hoạt động tư vấn, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và hỗ trợ việc làm được nhà trường triển khai góp phần tạo môi trường giáo dục toàn diện cho người học. Người học được hỗ trợ không chỉ về kiến thức, kỹ năng nghề mà còn được bồi dưỡng kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp và kết nối với thị trường lao động. Việc thực hiện nội dung này đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp và cơ hội việc làm bền vững cho người học sau khi ra trường.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: *Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên tổ chức và duy trì hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào cùng các dịch vụ hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện năng lực thích ứng nghề nghiệp của người học. Thông qua đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, người học được tư vấn xây dựng kế hoạch học tập phù hợp, hỗ trợ kịp thời trong quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng phát triển bản thân.

Các dịch vụ hỗ trợ người học được thực hiện đồng bộ gồm: tư vấn tâm lý, hướng nghiệp; hỗ trợ học liệu, thư viện; học bổng; giới thiệu việc làm. Những hoạt động này giúp người học yên tâm học tập, giảm thiểu khó khăn, nâng cao động lực rèn luyện và hoàn thành tốt chương trình đào tạo.

Song song với đó, môi trường và cảnh quan sư phạm của nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, an toàn, với đầy đủ khu giảng đường, xưởng thực hành, thư viện, khu sinh hoạt chung và hệ thống cây xanh tạo không gian học tập thân thiện. Điều kiện vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và các tiện ích phục vụ người học được đảm bảo, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho quá trình học tập, rèn luyện, sinh hoạt và phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như nhân cách của người học.

Nhận định

Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, phong trào và các dịch vụ hỗ trợ của nhà trường được triển khai chưa thiết thực và hiệu quả không cao, khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp chưa đạt 80%. Quá trình học tập, rèn luyện của một số học sinh còn chư tốt

Đối chiếu yêu cầu của nội hàm tiêu chuẩn, Khoa tự đánh giá không đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

3.2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.

Mở đầu:

Giám sát, đánh giá chất lượng là tiêu chí quan trọng được Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, GV, nhân viên, qua đó duy trì, phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm từng bước cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Những điểm mạnh:

Nhà trường luôn quan tâm đến việc lấy ý kiến của HS, GV và người sử dụng lao động về các vấn đề liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Vì thế tỉ lệ HS ra trường có việc làm đúng ngành nghề đào tạo chiếm tỉ lệ cao.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. Thực hiện khảo sát HS sau tốt nghiệp bằng liên lạc qua điện thoại, thông qua kết quả khảo sát người học sau 6 tháng tốt nghiệp tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với nghề đào tạo đạt trên 80%.

Những tồn tại:

Thu thập các ý kiến các đơn vị sử dụng lao động, Nhà giáo, cán bộ quản lý, người học chưa nhiều.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt các nghề đào tạo trọng điểm của Nhà trường.

Tiếp tục thu thập ý kiến của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 7.1: *Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.*

- Chính sách

Có văn bản quy định về đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT).

Có quy định về trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong xây dựng, rà soát, thẩm định và cải tiến CTĐT.

Có cơ chế tham vấn doanh nghiệp, chuyên gia, nhà giáo và người học trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT.

- Quy trình

Có quy trình đầy đủ và rõ ràng cho các bước:

Thiết kế chương trình đào tạo.

Thẩm định nội bộ và thẩm định bên ngoài (doanh nghiệp).

Phê duyệt, ban hành CTĐT.

Rà soát và cải tiến định kỳ (năm hoặc chu kỳ).

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức triển khai công tác giám sát, đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và sinh hoạt của người học một cách thường xuyên, có hệ thống. Các khu vực được theo dõi, đánh giá bao gồm: giảng đường, xưởng thực hành, thư viện, phòng máy tính, khu sinh hoạt, căng tin, ký túc xá, khu

vệ sinh, cảnh quan khuôn viên và các dịch vụ hỗ trợ khác như tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, y tế học đường.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, nhà trường tiến hành khắc phục tồn tại, nâng cấp cơ sở vật chất, cải thiện chất lượng dịch vụ, bổ sung trang thiết bị, chỉnh trang cảnh quan sư phạm, nâng cao tinh thần phục vụ của đội ngũ nhân viên và điều chỉnh quy trình cung cấp dịch vụ theo hướng thuận tiện, hiệu quả hơn cho người học.

Nhận định

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và sinh hoạt của nhà trường được giám sát, đánh giá và cải tiến thường xuyên, có hệ thống. Các hoạt động này góp phần tạo môi trường học đường an toàn, thân thiện và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập, rèn luyện, sinh hoạt của người học. Việc triển khai nội dung này đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người học và hiệu quả đào tạo của nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: *Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với yêu cầu công việc, cũng như mức độ phù hợp của chương trình đào tạo đối với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Công tác khảo sát được thực hiện định kỳ và linh hoạt, thông qua các hình thức như: phiếu khảo sát trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp doanh nghiệp.

Nội dung khảo sát tập trung vào các tiêu chí: kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề, kỹ năng mềm, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, khả năng thích ứng môi trường làm việc, mức độ đáp ứng vị trí việc làm và yêu cầu công nghệ của doanh nghiệp. Đồng thời, nhà trường thu thập thông tin về xu hướng tuyển dụng, nhu cầu nhân lực, những thay đổi trong quy trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp để làm căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo.

Kết quả khảo sát, phản hồi từ doanh nghiệp và các bên liên quan được tổng hợp, phân tích và báo cáo thông qua các cuộc họp chuyên môn, hội đồng khoa học – đào tạo, là cơ sở để rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, khối lượng mô-đun thực hành, nội dung kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và cập nhật công nghệ, thiết bị mới vào chương trình đào tạo. Các ý kiến góp ý cũng được sử dụng trong việc thiết kế chương trình đào tạo mới, mở ngành, nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Nhận định

Hệ thống khảo sát và thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan của nhà trường được xây dựng đầy đủ, triển khai thường xuyên và vận hành hiệu quả. Việc sử dụng thông tin phản hồi làm căn cứ thiết kế, phát triển và cải tiến chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn, tính cập nhật và sự phù hợp với yêu cầu của doanh

nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp và uy tín của nhà trường trên thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: *Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và kế hoạch bảo đảm chất lượng nội bộ đã ban hành. Công tác tự đánh giá được tiến hành định kỳ và thường xuyên, dựa trên các bộ tiêu chí kiểm định chất lượng, tiêu chuẩn chương trình đào tạo cũng như mục tiêu, chuẩn đầu ra đã công bố.

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường tổ chức thu thập minh chứng từ nhiều nguồn: báo cáo chuyên môn của các khoa; kết quả khảo sát ý kiến người học, giáo viên, cựu học sinh và doanh nghiệp; kết quả thanh tra, kiểm tra nội bộ; số liệu theo dõi chất lượng dạy và học, tỷ lệ tốt nghiệp và việc làm sau tốt nghiệp. Việc phân tích dữ liệu tự đánh giá được thực hiện khách quan, toàn diện nhằm xác định rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân và nhu cầu cải tiến trong từng khâu của quá trình đào tạo.

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, nhà trường xây dựng và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng chương trình đào tạo như: điều chỉnh chuẩn đầu ra, cập nhật nội dung mô-đun/môn học, tăng cường thời lượng thực hành, trải nghiệm tại doanh nghiệp, bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên, bổ sung học liệu và trang thiết bị đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá kết quả học tập. Việc thực hiện các giải pháp cải tiến được theo dõi, đánh giá định kỳ để đảm bảo hiệu quả thực chất và bền vững.

Nhận định

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và có tính hệ thống. Các kết quả tự đánh giá được sử dụng hiệu quả làm căn cứ đề xuất và triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng, góp phần nâng cao mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu thị trường lao động và sự hài lòng của người học và doanh nghiệp. Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: *Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện thu thập, xác lập và theo dõi thường xuyên các chỉ số liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học theo từng khóa, từng ngành nghề đào tạo. Dữ liệu được tổng hợp từ hệ thống quản lý đào tạo, sổ điểm, biên bản xét tốt nghiệp và các báo cáo chuyên môn của khoa/bộ môn, bảo đảm tính chính xác, minh bạch và đầy đủ.

Tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm được giám sát và phân tích nhằm đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra và hiệu quả của quá trình đào tạo. Bên cạnh đó, nhà trường theo dõi và phân tích nguyên nhân bỏ học, gián đoạn học tập để đưa ra các giải pháp hỗ trợ phù hợp như: tư vấn học tập, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, tăng cường phụ đạo hoặc cải thiện môi trường học tập. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cũng được xác định, đối

sánh với kế hoạch đào tạo và quy định hiện hành để đánh giá mức độ đáp ứng tiến độ học tập.

Khi cần thiết, nhà trường thực hiện đối sánh các chỉ số này với dữ liệu các khóa trước hoặc với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực (nếu có), nhằm nhận diện xu hướng, điểm mạnh, điểm hạn chế và đề xuất biện pháp cải tiến chất lượng. Các kết quả phân tích được báo cáo trong các cuộc họp chuyên môn, họp hội đồng đào tạo và được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh chương trình, phương pháp dạy học, hình thức hỗ trợ người học.

Nhận định: Nhà trường đã thực hiện tốt việc xác lập, giám sát và phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình, thông qua đó kịp thời đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng đào tạo. Hoạt động theo dõi các chỉ số này góp phần phản ánh hiệu quả chương trình, nâng cao chất lượng giảng dạy và hỗ trợ người học hoàn thành khóa học đúng tiến độ.

Điểm tự đánh giá: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: *Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã thiết lập và vận hành hệ thống thu thập, quản lý và giám sát dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học đối với từng chương trình đào tạo. Việc xác lập dữ liệu được thực hiện thông qua các công cụ đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra như: bài kiểm tra, thi tốt nghiệp, đánh giá mô đun thực hành, kết quả thực tập tại doanh nghiệp, báo cáo tốt nghiệp và nhận xét của doanh nghiệp tiếp nhận thực tập. Toàn bộ dữ liệu được tổng hợp, lưu trữ trên hệ thống quản lý đào tạo và cập nhật định kỳ làm căn cứ theo dõi, phân tích chất lượng đào tạo theo từng khóa, từng ngành/nghề.

Song song với đó, mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập thông qua các đợt khảo sát định kỳ bằng phiếu khảo sát trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp, thu thập ý kiến tại các hội nghị doanh nghiệp, ngày hội việc làm và các hoạt động kết nối tuyển dụng. Nội dung khảo sát tập trung vào: mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra, khả năng thích nghi với môi trường làm việc, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm của người tốt nghiệp; mức độ phù hợp của chương trình đào tạo đối với yêu cầu thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Các kết quả khảo sát về mức độ hài lòng được theo dõi, giám sát, đối sánh theo thời gian giữa các khóa đào tạo, giữa các ngành nghề và so sánh với mục tiêu chất lượng đã đề ra hoặc chuẩn tham chiếu của ngành. Việc phân tích dữ liệu được sử dụng làm căn cứ đề xuất các giải pháp cải tiến chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đánh giá, nội dung thực hành, thực tập và công tác hỗ trợ người học.

Nhận định

Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra và mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan của nhà trường được xác lập tương đối đầy đủ, được giám sát thường xuyên và bước đầu được đối sánh phục vụ cải tiến chất lượng. Các thông tin thu thập được sử dụng hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Hoạt động này đáp ứng yêu cầu bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 2.5 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: *Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện hệ thống theo dõi, xác lập và giám sát tình trạng việc làm của người học sau tốt nghiệp nhằm đánh giá hiệu quả đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Thông tin về tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học ở trình độ cao hơn được thu thập thông qua nhiều kênh như: khảo sát định kỳ đối với người tốt nghiệp; liên hệ trực tiếp qua cựu học sinh, mạng xã hội, email, điện thoại; phối hợp với doanh nghiệp tiếp nhận lao động; báo cáo của các khoa, phòng và Trung tâm hỗ trợ việc làm.

Dữ liệu được tổng hợp, cập nhật và quản lý tập trung trên hệ thống theo dõi việc làm sau tốt nghiệp, đảm bảo độ tin cậy và khả năng tra cứu, phân tích theo từng ngành nghề, khóa học và từng thời điểm. Nhà trường tiến hành giám sát, thống kê và đối sánh tỷ lệ việc làm thực tế của người tốt nghiệp với mục tiêu chất lượng đã đề ra, kết quả của các năm trước và (khi có điều kiện) với mức bình quân của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực.

Trên cơ sở kết quả theo dõi và đối sánh, nhà trường thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo như: điều chỉnh nội dung chương trình sát với nhu cầu tuyển dụng; tăng cường thời lượng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; mở rộng liên kết doanh nghiệp; tổ chức ngày hội việc làm; bồi dưỡng kỹ năng tìm việc, phỏng vấn và khởi nghiệp cho người học; đẩy mạnh tư vấn hướng nghiệp trước và sau tốt nghiệp.

Nhận định

Tuy nhiên đối tượng HS tốt nghiệp tại Trường là học song song trình độ trung cấp và văn hóa GDTX cấp THPT nên tỷ lệ học sinh tốt nghiệp có việc làm trong vòng 12 tháng dưới 80%.

Đối chiếu yêu cầu của nội hàm tiêu chuẩn, Khoa tự đánh giá không đạt yêu cầu tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

PHẦN IV. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành và chuẩn quốc tế.

2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ CBQL, GV đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp. Hiên nay khoa có 07 GV, số giáo viên có trình độ thạc sĩ 03. Phấn đấu đến năm 2028 có 100% GV sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm ứng dụng, 100% GV chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ sư phạm.

3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác NCKH của GV chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức GDNN tạo điều kiện cho GV tham gia NCKH, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi các thiết bị tự làm.

Tăng cường phát triển các thiết bị dạy trong thực tế, giúp HS có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho HS.

4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HS và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HS có thể tiếp cận được với kiến thức và cộng với trong nước và quốc tế.

5. Về công tác học sinh

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để HS tích cực trong học tập và sáng tạo, HS phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho HS trong nước. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Công tác tự KĐCL chương trình đào tạo nói chung, CTĐT nghề Công nghệ ô tô nói riêng đóng vai trò quan trọng trong trong công tác phát triển đào tạo nghề. Kết quả tự KĐCL chương trình đào tạo đã cho mỗi GV, CBQL dạy nghề thấy được ý nghĩa chất lượng đào tạo từ đó tạo được sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng trong công tác tổ chức, quản lý điều hành mọi lĩnh vực của Nhà trường.

Qua quá trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô theo quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Kết quả tự kiểm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô như sau:

Tổng số điểm đánh giá các tiêu chí kiểm định đạt 82,5/100 điểm

Điểm đánh giá các tiêu chí 1,6 đạt trên 75% điểm chuẩn trở lên.

Điểm đánh giá các tiêu chí 2,3,4,5,7 đạt 75% điểm chuẩn trở lên.

2. Kiến nghị

Nhà trường nên có kế hoạch tập huấn hằng năm về các qui định và nội dung liên quan đến kiểm định CTĐT để các đơn vị thực hiện tự KĐCL chương trình đào tạo đúng qui định và đạt được mục tiêu đề ra.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, ĐT&KĐCL, K.CNKT.

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG TĐGCL
CHỦ TỊCH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

HIỆU TRƯỞNG
Phạm Văn Tự

PHỤ LỤC

1. Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 139./QĐ-MCC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Lao động và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch số 126/KH-MCC ngày 14/8/2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 06 nghề trình độ trung cấp năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất chương trình đào tạo 06 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng có các nhiệm vụ sau:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá chất lượng;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường (nếu có);

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng; Trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Trường và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, ĐT&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Phạm Văn Tự

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 05 NGHỀ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số:139/QĐ-MCC ngày 18/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
01	Phạm Văn Tự	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Nguyễn Xuân Hòa	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
03	Vũ Thị Phược	Trưởng phòng Đào tạo và KĐCL	Ủy viên Thư ký
04	Nguyễn Đình Khải	Trưởng khoa CBCS	Ủy viên
05	Đỗ Tuấn Nghĩa	Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật	Ủy viên
06	Cù Thị Thùy Dương	Trưởng phòng Tổng hợp	Ủy viên
07	Trịnh Thị Hồng Vân	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Chủ tịch Công đoàn Trường	Ủy viên
08	Nguyễn Văn Huấn	Phó Trưởng khoa Điện	Ủy viên
09	Trương Thị Mai Trang	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường	Ủy viên
10	Đàm Anh Sơn	Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển giải pháp mới	Ủy viên *(Mời tham gia Hội đồng)*
11	Nguyễn Ngọc Thiên	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH Kỹ thuật điện Hưng Thịnh UTE	Ủy viên *(Mời tham gia Hội đồng)*

2. Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 126 /KH- MCC	*Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 như sau:

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy trong từng giai đoạn nhất định, giúp nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

- Xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo hiệu quả và đảm bảo chất lượng; đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn nhân lực trong từng giai đoạn.

2. Công cụ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

3. Quy trình tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo quy trình được quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng trong Trường và gửi báo cáo về: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

4. Nhiệm vụ chung:

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Phân công các khoa chuyên môn chủ trì việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do khoa quản lý. Cụ thể như sau:

+ Khoa Điện thực hiện tự đánh giá chất lượng 03 chương trình đào tạo trình độ trung cấp: nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

+ Khoa Công nghệ kỹ thuật thực hiện tự đánh giá chất lượng 02 chương trình đào tạo trình độ trung cấp: nghề Hàn, nghề Công nghệ ô tô.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đúng thời hạn quy định.

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tại Trường (nếu có).

4.2. Đối với các đơn vị trực thuộc Trường

4.2.2. Đối với Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng

- Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo và các quyết định thành lập Hội đồng, Ban thư ký.

- Chuẩn bị tài liệu, thống kê các thông tư, văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Hướng dẫn cho khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán xây dựng dự trù kinh phí cho kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo các nghề.

- Hướng dẫn tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Phối hợp với các khoa chuyên môn hoàn thiện báo cáo tự đánh giá gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đúng thời hạn quy định.

4.2.3. Đối với các khoa chuyên môn:

- Chủ trì viết báo cáo, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo do Khoa quản lý theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017/TT-BKĐTBXH ngày 15/12/2017 và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp;

- Phối hợp với các đơn vị thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động theo nội hàm của các tiêu chuẩn trong Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Phối hợp với các đơn vị liên quan, bổ sung đủ danh mục minh chứng.

- Đánh giá mức độ đạt được theo tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định có liên quan; phân tích rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Quản lý và duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

- Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả tự đánh giá gửi về Hội đồng tự đánh giá của Trường qua Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng .

- Giải trình trước đoàn đánh giá ngoài về minh chứng, nội dung các tiêu chuẩn trong báo cáo tự đánh giá.

4.2.4. Đối với các đơn vị khác trong Trường

- Phối hợp viết báo cáo và cung cấp minh chứng cho Khoa chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Bổ sung, xây dựng minh chứng theo yêu cầu của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Chịu trách nhiệm nội dung minh chứng cung cấp cho Khoa chuyên môn.

5. Phân công nhiệm vụ

STT	Tiên chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện
I	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	
1	Tiêu chuẩn 1.1	Các khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 1.2	
3	Tiêu chuẩn 1.3	
II	**Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình**	
1	Tiêu chuẩn 2.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa
2	Tiêu chuẩn 2.2	
3	Tiêu chuẩn 2.3	
4	Tiêu chuẩn 2.4	
5	Tiêu chuẩn 2.5	
6	Tiêu chuẩn 2.6	
7	Tiêu chuẩn 2.7	
III	**Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo**	

1	Tiêu chuẩn 3.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Khoa Cơ bản cơ sở - Các khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 3.2	
3	Tiêu chuẩn 3.3	
4	Tiêu chuẩn 3.4	
5	Tiêu chuẩn 3.5	
6	Tiêu chuẩn 3.6	
7	Tiêu chuẩn 3.7	
IV	**Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động**	
1	Tiêu chuẩn 4.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 4.2	
3	Tiêu chuẩn 4.3	
4	Tiêu chuẩn 4.4	
5	Tiêu chuẩn 4.5	
6	Tiêu chuẩn 4.6	
V	**Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu**	
1	Tiêu chuẩn 5.1	Các khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 5.2	
3	Tiêu chuẩn 5.3	
4	Tiêu chuẩn 5.4	
5	Tiêu chuẩn 5.5	
6	Tiêu chuẩn 5.6	
VI	**Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**	
1	Tiêu chuẩn 6.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa chuyên môn - Khoa Cơ bản cơ sở
2	Tiêu chuẩn 6.2	
3	Tiêu chuẩn 6.3	
4	Tiêu chuẩn 6.4	
VII	**Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng**	
1	Tiêu chuẩn 7.1	- Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng - Các khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 7.2	
3	Tiêu chuẩn 7.3	
4	Tiêu chuẩn 7.4	
5	Tiêu chuẩn 7.5	
6	Tiêu chuẩn 7.6	
7	Tiêu chuẩn 7.7	

6. Nội dung và thời gian thực hiện

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025. - Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025.	Trước ngày 19/8/2025	Phòng ĐT&KĐCL
	Phân công các đơn vị phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn.		Hội đồng tự đánh giá CTĐT

2	- Thu thập thông tin, rà soát các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. - Căn cứ tình hình thực tế và các minh chứng thu thập được, viết báo cáo theo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công - Gửi Báo cáo tự đánh giá (bản cứng và bản mềm) về Hội đồng (qua Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng)	Từ ngày 19/8/2025 đến 28/11/2025	Các khoa chuyên môn
3	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp đánh giá Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT của các khoa (lần 1) - Tổng hợp ý kiến Hội đồng và gửi Khoa chuyên môn.	Từ ngày 01/12/2025 đến 03/12/2025	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT
4	Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo và minh chứng kèm theo sau khi Hội đồng họp đánh giá và đóng góp ý kiến.	Từ ngày 04/12/2025 đến 10/12/2025	Các khoa chuyên môn
5	Nghiên cứu, họp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng (lần 2).	Từ ngày 11/12/2025 đến 15/12/2025	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT
6	Phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng	Từ ngày 16/12/2025 đến 17/12/2025	Hiệu trưởng
7	Nộp báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	Trước ngày 25/12/2025	Phòng ĐT&KĐCL

7. Kinh phí thực hiện: Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2025 từ nguồn thu sự nghiệp của Trường theo dự trù kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng *(Căn cứ Công văn số 822/LĐTBXH-TCGDNN ngày 11/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn nội dung chi và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng đối với các trung tâm GDNN, trường trung cấp, trường cao đẳng công lập và điều kiện thực tế của Trường).*

Trên đây là Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2025. Lãnh đạo Trường đề nghị các tổ chức đoàn thể, đơn vị, cá nhân thuộc Trường triển khai thực hiện nghiêm túc theo Kế hoạch./.

Nơi nhận:
- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, ĐT&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Phạm Văn Tự

3. BẢNG MÃ HÓA MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1.1	1.1.01		- Quyết định số 72/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng v/v Ban hành CTĐT nghề Hàn, nghề công nghệ Ô tô - trình độ Trung cấp.
		1.2	1.2.01		- Quyết định ban hành chuẩn đầu ra năm 2021, 2025: Số 86/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021; Số: 259/QĐ-MCC ngày 15/12/2025. - Quyết định ban hành quy chế đào tạo theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp – Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/9/2022). - Quyết định số 72/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng v/v Ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô - trình độ Trung cấp.

2	2	2.1	1.2.01		- Quyết định số 46/QĐ–MCC ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 48/QĐ–MCC ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Hàn, Công nghệ ô tô trình độ trung cấp năm 2025. - Biên bản họp ngày 16,17/10/2025 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp năm 2025 (lần 1). - Biên bản họp ngày 21,22,23/10/2025 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp năm 2025 (lần 2).
			2.1.02		- Quyết định số 72/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng v/v Ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô - trình độ Trung cấp.
		2.2	2.2.01		- Kế hoạch số 43/KH-MCC ngày 14/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc chỉnh sửa, bổ xung chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Danh mua sắm các trang thiết bị dụng cụ hàng năm
			2.2.02		Hợp đồng mua vật tư năm 2025
		2.3			- Bộ hồ sơ khảo sát năm 2024, 2025 (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)

					- Mẫu phiếu Phiếu khảo sát ý kiến của Nhà tuyển dụng - Quyết định số 72/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng v/v Ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô - trình độ Trung cấp
		2.4	2.4.01		- Quyết định số 366/QĐ-CKXD ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc Ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn, nghề công nghệ Ô tô - trình độ Trung cấp - Kế hoạch số 43/KH-MCC ngày 14/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc chỉnh sửa, bổ xung chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 46/QĐ-MCC ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc thành lập các Ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ xung chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025 - Quyết định số 48/QĐ-MCC ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Hàn, Công nghệ ô tô trình độ trung cấp năm 2025 - Quyết định số 72/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc Ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn, nghề công nghệ Ô tô - trình độ Trung cấp

		2.5	2.5.01		- Kế hoạch số 118/KH-MCC ngày 28/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 127/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng vv thành lập tổ chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 128/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng vv thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 214/QĐ-MCC ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc Ban hành giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ Trung cấp
		2.6	2.6.01		- Quyết định số 214/QĐ-MCC ngày 31/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng vv Ban hành giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp.
		2.7	2.7.01		- Kế hoạch số 118/KH-MCC ngày 28/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025. - Quyết định số 127/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng vv thành lập tổ chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2025.
3	3	3.1	3.1.01		Kế hoạch tuyển sinh năm 2025

					Lưu Ban truyền sinh và hợp tác doanh nghiệp
			3.1.02		Số 108/QĐ-MCC ngày 22/7/2025 phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển K27 hệ trung cấp tại trường
			3.1.03		Số 109/QĐ-MCC ngày 22/7/2025 phê duyêt danh sách trúng tuyển K27 hệ trung cấp tại Hải Phòng
			3.1.04		FB của trường, pano áp phích...
			3.1.05		Video tư vấn tuyển sinh
		3.2	3.2.01		Mẫu giáo án lý thuyết, thực hành tích hợp theo Tổng cục dạy nghề ban hành
			3.2.02		Quyết định số 72/QĐ-MCC ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng v/v Ban hành CTĐT nghề Hàn, nghề công nghệ Ô tô - trình độ Trung cấp.
			3.2.03		Số 179/KH-MCC ngày 17/10/2025 Kế hoạch Hội giảng giáo viên GDNN cấp trường năm 2025
			3.2.04		QĐ số 128/QĐ-MCC ngày 30/7/2025 thành lập tổ chỉnh sửa bổ sung giáo trình đào tạo
		3.3	3.3.01		Đề cương, lịch trình giảng dạy
			3.3.02		Mẫu giáo án lý thuyết, thực hành tích hợp theo Tổng cục dạy nghề ban hành
			3.3.03		TKB các khóa

			3.3.04		Web của trường
			3.3.05		Phiếu luyện tập ở các bài giảng, kết hợp trình chiếu, làm mẫu.
		3.4	3.4.01		Học sinh thực tập tại các cơ sở sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH Daesang tại Hải Dương, Công ty NanoFab khu công nghiệp Tân Trường Hải dương, Cơ sở nhôm kính Như Tấn – Cẩm Hoàng – Cẩm Giàng – Hải Dương
			3.4.02		Học sinh thực hiện Bài tập lớn nghề Công nghệ ô tô
		3.5	3.5.01		- Quyết định ban hành quy chế đào tạo theo niên chế; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp – Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/9/2022).
			3.5.02		Trên Website: mcc.molisa.gov.vn
			3.5.03		Sổ kết quả học tập
			3.5.04		Bằng tốt nghiệp
		3.6			Ngân hàng các bài thi: Lý thuyết, thực hành, trắc nghiệm
		3.7	3.7.01		Danh sách học sinh Phổ biến quy chế thi/kiểm tra. Ngân hàng câu hỏi thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô đun Công bố điểm thi lý thuyết/ thực hành tại lớp
			3.7.02		Lưu điểm Đào tạo

4	4	4.1	4.1.01		- Bảng thống kê trình độ chuyên môn của giáo viên năm 2024, 2025
			4.1.02		Quyết định phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân của Trường năm 2024,2025
			4.1.03		- Báo cáo tổng kết công tác của các đơn vị năm 2024, 2025 - Báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm 2024, 2025 - Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm 2024, 2025
		4.2	4.2.01		- Danh sách giáo viên - Chế độ làm việc của Nhà giáo - Kế hoạch đào tạo các lớp trung cấp khóa 26 tại Trung tâm GDNN – GDTX Cẩm Giàng Hải Phòng số 175/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Kế hoạch đào tạo các lớp trung cấp khóa 26 tại Trung tâm GDNN – GDTX Cẩm Giàng Hải Phòng số 176/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 Số: 109/QĐ-MCC ngày 22/7/2025 phê duyêt danh sách trúng tuyển K27 hệ trung cấp tại Hải Phòng. - Kế hoạch đào tạo các lớp trung cấp khóa 27 tại Trung tâm GDNN – GDTX Cẩm Giàng, Tp Hải Phòng số 185/QĐ-MCC ngày 10/10/2025 - Kế hoạch đào tạo các lớp trung cấp khóa 27 tại Trung tâm GDNN – GDTX Tứ Kỳ, Tp Hải Phòng số 185/QĐ-MCC ngày 10/10/2025

					- Thời khóa biểu các khóa - Lưu P.ĐT, Khoa - Tổng hợp giờ năm 2025
		4.3	4.3.01		*Quyết định về việc cử viên chức học lớp bồi dưỡng lanh đạo quản lý cấp phòng và tương đương số 101/QĐ – TTCN ngày 19/4/2023 Hội giảng giáo viên giáo dục nghề nghiệp cấp trường năm 2024 và năm 2025
			4.3.02		Báo cáo kết quả bồi dưỡng thể hiện qua báo cáo tổng kết hàng năm của Trường.
		4.4	4.4.01		- Quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động - Kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động năm 2024, 2025
			4.4.02		Danh sách trích ngang nhà giáo năm 2024,2025
		4.5	4.5.01		Danh sách trích ngang viên chức quản lý của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (năm 2024, 2025)
			4.5.02		- Báo cáo kết quả công tác năm 2024 và 2025 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Báo cáo tổng kết của khoa năm 2024, 2025
		4.6	4.6.01		- Kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động năm 2024, 2025

			4.6.02		- Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ - Số 16/QĐ-MCC ngày 21/01/2025 - Quyết định phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân của Trường năm 2024,2025.
5	5	5.1	5.1.01		Các phòng học lý thuyết và xưởng thực hành theo quy định.
		5.2	5.2.01		Danh mục thiết bị đào tạo hiện có
			5.2.02		Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có
			5.2.03		Báo cáo kiểm kê (lưu KT)
			5.2.04		Dự trù mua vật tư năm 2024, 2025
		5.3	5.3.01		Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có
			5.3.03		Báo cáo kiểm kê (lưu KT)
			5.3.04		Quy trình quản lý và sử dụng tài sản
			5.3.05		Hệ thống phòng cháy chữa cháy luôn hoạt động.
			5.3.06		Sổ xuất nhập kho
		5.4	5.4.01		- Dự trù, kế hoạch mua sắm vật tư đào tạo năm 2024, 2025 - Phiếu nhập kho, xuất kho

					- Sổ theo dõi, cấp phát vật tư
		5.5	5.5.01		Thư viện tầng 3 với khoảng 1500 đầu sách
			5.5.02		Giáo trình ở trên web https://mcc.molisa.gov.vn/
			5.5.03		Số 101/TB-MCC ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc bồi dưỡng Ứng dung AI trong công tác giáo dục nghề nghiệp.
		5.6	5.6.01		Kế hoạch Khoa đề xuất bảo dưỡng, sửa chữa mua sắm các thiết bị giảng dạy đầu năm học.
			5.6.02		Trên Website
			5.6.03		Kế hoạch kiểm tra bảo dưỡng, nâng cấp định kỳ hệ thống máy tính, máy in, máy chiếu phục vụ công tác giảng dạy
	6	6.1	6.1.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2024, 2025: - Số 72/QĐ-MCC ngày 21/4/2025 - Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa cho học sinh K26,27
			6.1.02		- Quyết định khen thưởng học sinh giỏi toàn khóa năm 2024, 2025 - Báo cáo đánh giá công tác HS các năm học 2024-2025
			6.1.03		- Hồ sơ miễn học phí đối với học sinh khóa 25, 26, 27 (Quyết định miễn học phí kèm theo danh sách, chứng từ chi miễn học phí;
		6.2	6.2.01		- Quyết định ban hành Quy chế xét, cấp học bổng khuyến khích học tập - Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, số 10/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021

			6.2.02		- Quyết định khen thưởng học sinh giỏi toàn khóa năm 2024, 2025
		6.3	6.3.01		- Kế hoạch tổ chức văn nghệ, thể thao năm 2024, 2025
			6.3.02		- Hình ảnh các hoạt động chào mừng các ngày lễ
			6.3.03		- Quyết định về việc thành lập Ban công tác học sinh
		6.4	6.4.01		- Báo cáo đánh giá công tác HS các năm học 2024-2025; - Bộ hồ sơ khảo sát các năm 2024, 2025 (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
	7	7.1	7.1.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp năm 2024, 2025: - Số 72/QĐ-MCC ngày 21/4/2025 - Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa cho học sinh K26,27
			7.1.02		- Báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm 2024, 2025 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng năm 2024, 2025
			7.1.03		- Hồ sơ miễn học phí đối với học sinh khóa 26, 27 (Quyết định miễn học phí kèm theo danh sách, chứng từ chi miễn học phí;
		7.2	7.2.01		- Quyết định ban hành Quy chế xét, cấp học bổng khuyến khích học tập - Biên bản họp công bố kết quả tự đánh giá chất lượng năm 2024, 2025
			7.2.02		- Quyết định khen thưởng học sinh giỏi toàn khóa năm 2024, 2025
		7.3	7.3.01		- Bộ hồ sơ khảo sát năm 2024, 2025 (Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo

					tổng hợp kết quả khảo sát) - Mẫu phiếu Phiếu khảo sát ý kiến của Nhà tuyển dụng
			7.3.02		- Hồ sơ xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2024, 2025 (Kế hoạch, Quyết định thành lập ban chủ nhiệm, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Biên bản của Hội đồng thẩm định, Quyết định ban hành chương trình đào tạo)
		7.4	7.4.01		- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng 2025 - Quyết định thành lập HĐ Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2025 - Quyết định ban hành chức năng và nhiệm vụ của Phòng ĐT&KĐCL
		7.5	7.5.01		- Hồ sơ xét và công nhận tốt nghiệp năm 2024, 2025 - Báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm 2024, 2025
		7.6	7.6.01		- Biên bản ghi nhớ hợp tác 3 bên giữa Công ty TNHH Nhân lực hàng không Tasseco, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng và Công ty TNHH MTV 133 (tháng 5/2025); - Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Công ty cổ phần COMA18 và Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (tháng 12/2025)
			7.6.02		Báo cáo, so sánh tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm
		7.7	7.7.01		- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2024, 2025 - Báo cáo đánh giá công tác HS các năm học 2024-2025; - Hồ sơ khảo sát các năm 2024, 2025 (bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)